




CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHON TRẠCH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2021

 Khu Công nghiệp Nhon Trạch, đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước,
huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai

 (0251) 3560 574

 (0251) 3560 031

 www.ntw.com.vn

01 | THÔNG TIN CHUNG

05

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề kinh doanh
Địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị
Cơ cấu bộ máy quản lý
Các công ty con, công ty liên kết
Định hướng phát triển
Các rủi ro

02 | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

21

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư thực hiện dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo trách nhiệm liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

03 | BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

45

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

04 | BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

59

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05 | BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

63

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban GD và BKS

06 | BÁO CÁO TÀI CHÍNH

74

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán

1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề kinh doanh

Quá trình hình thành và phát triển

Địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị

Cơ cấu bộ máy quản lý

Các công ty con, công ty liên kết

Định hướng phát triển

Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Tên tiếng Anh: NHON TRACH WATER SUPPLY JOINT - STOCK COMPANY

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4703000498 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600977120 ngày 05 tháng 07 năm 2019

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VND (một trăm tỷ đồng)

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Nhon Trạch, đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: (0251) 3560 574

Số fax: (0251) 3560 031

Website: www.ntw.com.vn

Email: daidowaco@yahoo.com

Mã cổ phiếu: NTW

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thực hiện thành công đợt tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Vốn điều lệ của NTW dựa trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 là 75 tỷ đồng

Cổ phiếu Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM với mã NTW, vốn điều lệ là 50 tỷ đồng

1997

Xí nghiệp Nước Nhon Trạch - đơn vị trực thuộc công ty TNHH MTV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai, được thành lập theo quyết định số 03/XD.QĐ ngày 08/04/1997 của Sở xây dựng Đồng Nai

2004

UBND tỉnh Đồng Nai ra quyết định thành lập số 3536/QĐ.CT.UBT

2007

Xí nghiệp nước Nhon Trạch chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp nước Nhon Trạch theo Quyết định số 3059/QĐUBND của UBND tỉnh Đồng Nai về việc “phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Nước Nhon Trạch thành Công ty cổ phần”

2008

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Cấp nước Nhon Trạch, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498

2012



2016

2017

Tiếp tục thực hiện tăng vốn điều lệ thành công sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn của chủ sở hữu, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 75 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng

2018

Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 7 vào ngày 15/05/2018, Ông Ngô Dương Đại trở thành người đại diện theo pháp luật

2019

Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 8 vào ngày 05/07/2019, thay đổi địa chỉ do điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính

2020

Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Nhon Trạch sửa đổi bổ sung lần thứ nhất vào ngày 22/04/2020



2021

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhon Trạch Điều chỉnh lần thứ hai ngày 26/04/2021





Ngành nghề kinh doanh

Hiện nay Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (NTW) đang hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau:

Khai thác, xử lý và cung cấp nước sinh hoạt:

- Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt;
- Khai thác, lọc nước phục vụ công nghiệp;
- Phân phối nước sạch.

Xây dựng công trình công ích:

- Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước;
- Xây dựng trạm bơm.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí: Lắp đặt ống cấp, thoát nước, bơm nước.

Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

- Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.

Hoạt động kiến trúc và tư vấn có liên quan

- Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác;
- Thiết kế công trình thoát nước; Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình thoát nước;
- Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư; Giám sát thi công công trình dân dụng-công nghiệp;
- Lập hồ sơ mời thầu; Đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định thiết kế kỹ thuật; Quyết toán các dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án đầu tư;
- Thẩm định hồ sơ mời thầu; Thẩm định kết quả đấu thầu.

Địa bàn kinh doanh

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (NTW) có địa bàn hoạt động kinh doanh chủ yếu tại Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Đây được xem là một trong những trung tâm phát triển khu công nghiệp lớn ở Đồng Nai, nhờ vào sự phát triển đồng bộ của cơ sở hạ tầng và hệ thống giao thông tạo nên thời nam châm thu hút lượng lớn nhà đầu tư cho khu vực trong thời gian qua. Hơn nữa, sự tăng trưởng mạnh mẽ của Nhơn Trạch cũng sẽ là bước đệm để nơi này trở thành Thành phố mới tạo điều kiện cho người dân di cư ra vùng ven, hạn chế ô nhiễm thành phố và gia tăng số lượng hộ dân sử dụng nước sinh hoạt cho khu vực.





THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

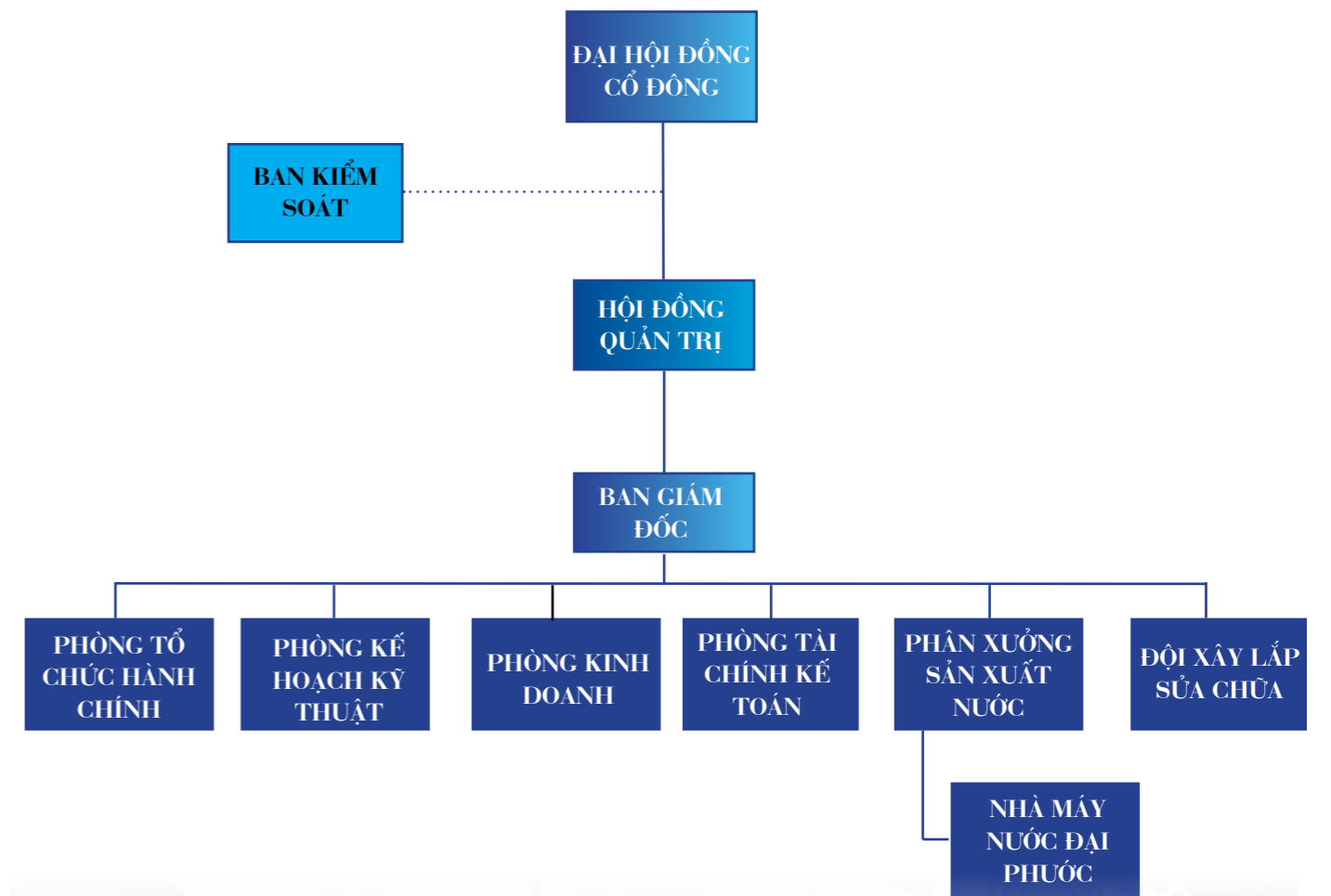
Mô hình quản trị

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch hoạt động theo mô hình quản trị được quy định theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ với các cấp như sau:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Giám đốc



Cơ cấu bộ máy quản lý





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cấp nước, Công ty đặt ra cho mình các mục tiêu phát triển chủ yếu sau:

- Đảm bảo cung cấp nước sạch với tần suất ổn định và chất lượng đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Y tế;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông, khách hàng và các bên có liên quan;
- Cải tiến và áp dụng công nghệ - kỹ thuật tiên tiến vào quá trình kiểm định chất lượng nước nhằm cung cấp nguồn nước an toàn đến các hộ gia đình;
- Tuân thủ pháp luật, quy định bảo vệ môi trường.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Đường lối phát triển của NTW thể hiện rõ nét thông qua chiến lược trong trung và dài hạn, chính vì vậy Ban lãnh đạo đã đề ra những chiến lược hoạt động cụ thể như sau:

Kiểm soát chi phí đầu vào: Quản lý chặt chẽ chi phí mua các hoá chất với mục đích xử lý nước như: Xút (NaOH), Javen, vôi, Clo, phèn;

Áp dụng công nghệ số hoá vào dịch vụ chăm sóc khách hàng thông qua các website, ứng dụng điện thoại: Chuyển sang hình thức thanh toán tiền nước trực tuyến, giải đáp thắc mắc, đăng ký sửa chữa trực tiếp trên trang chủ Công ty hoặc trên ứng dụng điện thoại, ...;

Đảm bảo chất lượng nước: Nâng cấp các hệ thống xử lý nước đồng thời duy trì công tác bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống đường ống định kỳ;

Xây dựng đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm:

Tổ chức các chương trình đào tạo nhân sự về chuyên môn, kỹ thuật nhằm nâng cao tay nghề, chất lượng nhân sự;

Triển khai các hoạt động giải trí để phát huy tính năng động, sáng tạo của đội ngũ nhân lực;

Thực hiện các chính sách lương, thưởng phù hợp theo năng suất làm việc của nhân viên nhằm thúc đẩy tinh thần làm việc cho người lao động.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối nước sạch, đây là sản phẩm có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sức khoẻ của cộng đồng và nguồn tài nguyên thiên nhiên quốc gia. Ý thức được tầm quan trọng này, Công ty luôn đặt ra những mục tiêu phát triển hướng đến lợi ích cộng đồng và môi trường:

Đối với môi trường

Sử dụng, khai thác nguồn nước hợp lý, chấp hành các quy định nhằm tránh cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Áp dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến vào trong quá trình sản xuất, tối ưu hoá năng suất của máy móc nhằm hạn chế tối đa các tác nhân gây ô nhiễm môi trường.

Đối với xã hội

Tiêu chuẩn hoá quy trình xử lý nước nhằm cung cấp nguồn nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y Tế đến người tiêu dùng.

Kiểm tra hệ thống cấp nước định kỳ và khắc phục kịp thời sự cố trong hệ thống cấp nước nhằm mang lại nguồn nước ổn định đến với khách hàng.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện để hỗ trợ các hộ dân gặp khó khăn trong khu vực.

Rủi ro kinh tế

Tình hình dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp trong năm 2021 đã ảnh hưởng khá nhiều đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Vaccine trở thành lá chắn cho cuộc chiến chống lại Covid-19, để các quốc gia vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế. Nhìn chung, nền kinh tế toàn cầu đang dần hồi phục nhưng tốc độ phục hồi giữa các quốc gia không đồng đều, việc này thể hiện rõ nét ở các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng khỏi Trung Quốc của các Tập đoàn lớn vẫn đang tiếp tục diễn ra, nhiều quốc gia ở Đông Nam Á được các công ty đa quốc gia chú ý, trong đó Việt Nam được xem là điểm đến khá lý tưởng của nhiều Tập đoàn lớn trên nhiều phương diện như: chính trị, địa lý, nguồn nhân lực với Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2021 tăng 2,58% so với cùng kỳ năm 2020 (Theo Tổng cục Thống kê) đây được xem là một thành công lớn của nước ta trong việc phòng chống dịch bệnh..

Đến cuối năm 2021, Việt Nam cơ bản đã kiểm soát được dịch bệnh, lượng vaccin đã bao phủ 70% dân số cả nước và số người tiêm trên tổng dân số góp phần tạo điều kiện cho các thành phố lớn mở cửa để bắt đầu hoạt động kinh tế trở lại. Mặc dù kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, nhưng với đặc thù của ngành nghề cấp nước là nhu cầu thiết yếu của mọi người dân nên NTW ít bị ảnh hưởng

Rủi ro thất thoát nước

Hệ thống cấp nước và hệ thống hạ tầng đô thị có liên kết chặt chẽ với nhau, nên bất kể một sự cố nào xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống và công tác giải quyết, khắc phục hậu quả tốn rất nhiều thời gian, chi phí của Công ty đồng thời làm gia tăng lượng thất thoát nước của NTW. Bên cạnh đó, nguồn nước là nhu cầu thiết yếu trong đời sống sinh hoạt của mọi người dân nên việc đảm bảo công tác bảo dưỡng đường ống cung cấp nước và phòng tránh ô nhiễm được đặt lên hàng đầu. Do đó, Công ty luôn thực hiện kiểm định chất lượng nước và kiểm tra hệ thống đường ống cấp nước định kỳ để có biện pháp xử lý kịp thời.

Rủi ro giá nguyên vật liệu

Nguyên liệu đầu vào hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh chính của NTW là nước được mua chủ yếu từ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới. Trong năm 2021, dịch bệnh đã ảnh hưởng khá nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty, khi phải thực hiện lệnh giãn cách của Chính phủ. Điều này cũng làm hạn chế nguồn nhân lực hoạt động dẫn đến năng suất làm việc giảm và phát sinh chi phí như trợ cấp cho nhân viên thực hiện 3 tại chỗ, tăng cường đồ bảo hộ cho nhân viên,... trong khi đó, giá nước đầu ra của Công ty phải chịu sự kiểm soát của các cấp chính quyền. Do đó, NTW luôn có kế hoạch kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào và quản lý nguồn cung nước nhằm đảm bảo chất lượng, đáp ứng đủ nhu cầu của người tiêu dùng và giải quyết được bài toán chi phí đối với Công ty trong thời gian dịch bệnh diễn biến phức tạp.





CÁC RỦI RO

Rủi ro pháp luật

NTW hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần được đăng ký giao dịch trên UPCoM, nên doanh nghiệp phải tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán,... Bên cạnh đó, Công ty hoạt động trong lĩnh vực đặc thù là ngành cấp nước nên phải tuân thủ Luật tài nguyên, môi trường,... Hiện nay, Chính phủ đang từng bước hoàn thiện hệ thống khung pháp lý cho ngành cấp nước để phù hợp với tình hình kinh tế xã hội trong từng giai đoạn. Đây cũng là sản phẩm gắn liền với nhu cầu cơ bản của người dân, nên luôn được Nhà nước quản lý, giám sát chặt chẽ nhằm đảm bảo giá cả, chất lượng và an sinh xã hội. Chính vì vậy, Công ty luôn chủ động nắm bắt những thay đổi các quy định về pháp luật để nhanh chóng điều chỉnh hoạt động của mình cho phù hợp.

Rủi ro khác

Với vị trí hoạt động hiện tại của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch là Đông Nam Bộ, nơi ít xảy ra các hiện tượng thiên tai như bão, lũ lụt, cháy rừng,... Tuy vậy, các yếu tố này xảy ra sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn cập nhật thông tin biến đổi khí hậu và dự kiến phương án phòng tránh kịp thời nhằm hạn chế tối đa các ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro môi trường

Hiện nay trên trái đất, diện tích nước chiếm tới khoảng 70% bề mặt, tuy nhiên chỉ có khoảng 2% là nước phù hợp tiêu dùng và nước cũng là tài nguyên được sử dụng nhiều nhất trên thế giới. Trở lại thực trạng ở Việt Nam, chất lượng nước tự nhiên đang bị suy thoái nghiêm trọng, các dòng sông chảy qua các thành phố lớn hiện đang bị ô nhiễm do bị khai thác quá mức, đặc biệt nguồn nước ở khu vực sông Đồng Nai còn xảy ra hiện tượng nhiễm mặn. Điều này cũng gây nhiều khó khăn trong việc xử lý nguồn nước của các doanh nghiệp trong ngành.

Nhận thấy tình hình khó khăn trước mắt, Công ty chủ trương thực hiện nghiêm túc quy trình xử lý nước theo đúng tiêu chuẩn nhằm đảm bảo giảm thiểu tối đa lượng chất thải ra môi trường, cũng như cung cấp nguồn nước chất lượng nhất đến cho khách hàng



2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

**Báo cáo tác động liên quan đến môi trường
và xã hội của Công ty**



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ TH/KH 2021 (%)	Tỷ lệ TH 2021/TH 2020 (%)
Sản lượng nước sản xuất	m ³	16.010.349	16.490.700	16.006.511	97,06	99,98
Sản lượng ghi thu	m ³	14.689.659	15.253.416	14.959.343	98,07	101,84
Doanh thu	Triệu đồng	163,55	168,448	168,004	99,74	102,72
Tỷ lệ thất thoát nước	%	8,25	7,25	6,54	-0,96	-1,71
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	13,291	14,484	16,851	116,34	126,79
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	12,133	12,786	15,265	119,39	125,82
Tỷ lệ chia cổ tức	%	12	12	12	100	100

**TỶ LỆ THẤT THOÁT
NƯỚC NĂM 2021
6,54%**

Đối mặt với những khó khăn chung khi dịch bệnh diễn biến phức tạp, NTW đã kiểm soát tốt hoạt động của mình nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động trong thời gian giãn cách xã hội mà vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định. Trong năm 2021, sản lượng nước sản xuất đạt 16.006.511 m³ và sản lượng nước ghi thu đạt 14.959.343 m³, gần như đạt được số kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đã đặt ra lần lượt ở mức 97,06% và 98,07%, điều này cho thấy hiệu quả của Ban lãnh đạo nhằm nâng cao hoạt động sản xuất của Công ty mà vẫn đảm bảo đủ nguồn nước cấp nước đến hộ gia đình. Ngoài ra, Công ty tăng cường tu sửa mạng lưới cấp nước nhằm hạn chế tỷ lệ thất thoát nước và tỷ lệ này của NTW giảm từ 8,25% năm 2020 xuống còn 6,54% tương đương giảm 1,71% so với năm 2020 và giảm 0,96% so với kế hoạch.

Tổng doanh thu tiền nước đạt 168 tỷ đồng tương đương tăng 2,72% so năm 2020 và đạt 99,74% so với kế hoạch, bên cạnh đó NTW đã giải quyết được bài toán chi phí của mình là kiểm soát chi phí đầu vào và chi phí phát sinh khác trong thời gian thực hiện “3 tại chỗ” giúp cho Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch, đạt mức 15 tỷ đồng tương đương tăng 25,82% so với năm 2020 và vượt 19,39% kế hoạch. Đây được xem là con số khả quan đối với NTW khi tình hình dịch bệnh vẫn đang diễn ra phức tạp



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình sản xuất và tiếp nhận nước

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện năm 2021	%	
						TH 2021/ KH 2021	TH 2021/ TH 2020
1	SẢN LƯỢNG NƯỚC						
a	Sản lượng nước sản xuất	m ³	16.010.349	16.490.700	16.006.511	97,06	99,98
	Nước sản xuất Nhơn Trạch	m ³	3.364.887	3.485.750	3.122.274	89,57	92,79
	- Nước mua qua ĐH Tổng Công ty Cấp nước Đồng Nai	m ³	9.032.407	9.354.950	8.760.796	93,65	96,99
	- Nước mua qua Hồ Cầu Mới	m ³	3.613.055	3.650.000	4.123.441	112,97	114,13
b	Sản lượng nước ghi thu	m ³	14.689.659	15.253.416	14.959.343	98,07	101,84
	Nước ghi thu Nhơn Trạch	m ³	2.894.555	3.036.307	2.668.807	87,90	92,20
	Nước mua qua ĐH Tổng Công ty Cấp nước Đồng Nai	m ³	8.320.806	8.709.458	8.318.062	95,51	99,97
	Nước mua qua Hồ Cầu Mới	m ³	3.474.298	3.507.650	3.972.474	113,25	114,34
2	TỶ LỆ THẤT THOÁT NƯỚC	%	8,25	7,50	6,54	-0,96	-1,71
a	Nhơn Trạch	%	13,98	12,89	14,52	1,63	0,55
b	Qua Đồng hồ Tổng Công ty Cấp nước Đồng Nai	%	7,88	6,90	5,05	-1,85	-2,82
c	Qua Hồ Cầu Mới	%	3,84	3,90	3,66	-0,24	-0,18

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện năm 2021	%	
						TH 2021/ KH 2021	TH 2021/ TH 2020
3	DOANH THU	Triệu đồng	163.55	168.448	168.004	99,74	102,72
a	Sản xuất nước máy	Triệu đồng	157.372	162.948	158.734	97,41	100,87
	Nhơn Trạch	Triệu đồng	28.088	29.443	25.298	85,92	90,07
	Qua Đồng hồ tổng	Triệu đồng	93.498	97.376	92.52	95,01	98,95
	Qua Hồ Cầu Mới	Triệu đồng	35.785	36.129	40.916	113,25	114,34
b	Xây lắp	Triệu đồng	2.987	3	3.405	113,49	113,99
c	Doanh thu khác	Triệu đồng	240	-	3.896	-	1622,08
d	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	2.951	2,5	1.968	78,73	66,70
4	KQ-SXKD	Triệu đồng	12.133	12.786	15.265	119,39	125,82
5	CÁC KHOẢN NỘP NS	Triệu đồng	3.858	4.235	3.817	90,13	98,22
6	THU NHẬP BÌNH QUÂN	Triệu đồng	13.12	13	14.82	112,08	113,21



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình sản xuất và tiếp nhận nước

Công tác Cấp nước

Trong năm 2021, Công ty sản xuất và mua nước của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai thông qua đồng hồ tổng tại Trạm bơm tăng áp Formosa và mua nước của Công ty Cổ phần cấp nước Hồ Cầu Mới thông qua đồng hồ tổng D600 nhằm duy trì hoạt động cấp nước an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh tại Nhà máy nước Đại Phước. Theo đó, sản lượng nước được theo dõi qua các đồng hồ được ghi nhận cụ thể như sau:

Sản lượng nước sản xuất Nhơn Trạch đạt 3.122 nghìn m³ chiếm 19,51%, nước mua qua đồng hồ Tổng đạt 8.760 nghìn m³ chiếm 54,73% và nước mua qua Hồ Cầu Mới đạt 4.123 nghìn m³ chiếm 25,76% tổng lượng nước sản xuất của NTW trong năm 2021.

Sản lượng nước ghi thu tại Nhơn Trạch đạt 2.669 nghìn m³ chiếm 17,84%, tại đồng hồ Tổng đạt 8.318 nghìn m³ chiếm 55,60% và nước tại đồng hồ Hồ Cầu Mới đạt 3.972 nghìn m³ chiếm 26,56%.



Công tác lắp đặt đồng hồ nước, triển khai bảo trì hệ thống đường ống

Có thể thấy sự chênh lệch không quá lớn giữa sản lượng nước sản xuất và sản lượng nước ghi thu của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch cho thấy Công ty đã nỗ lực quán triệt việc thực hiện các chính sách giảm tỷ lệ thất thoát nước. Trong năm Công ty đã triển khai công tác theo dõi đánh giá cụ thể tỷ lệ thất thoát nước của từng khu vực đồng thời tiến hành thăm dò, khắc phục kịp thời các tuyến ống rò rỉ, bể xi. Công tác thay thế và lắp đặt đồng hồ mới cũng được triển khai kịp thời đối với khách hàng mới và khách có nhu cầu thay mới đồng hồ. Nhờ đó, tỷ lệ thất thoát nước của NTW có sự cải thiện đáng kể với tỷ lệ thất thoát nước giảm từ 8,25% xuống còn 6,54% cụ thể công tác thực hiện như sau:

Tổng số thủy lượng kế tính đến ngày 31/12/2021 là: 13.263 đồng hồ.

Lắp đặt mới đồng hồ nước 723 khách hàng.

Công tác sửa chữa bảo trì và khắc phục sự cố kịp thời đảm bảo yêu cầu kỹ thuật phục vụ tốt cho công tác sản xuất. Trong năm 2021, NTW đã kiểm tra:

Súc xả tuyến ống cấp nước Tổng cục xăng dầu 186 bao gồm:

Tuyến ống cấp nước Khu tái định cư Đại Lộc 1; tuyến D160 đường Lý Thái Tổ, ấp Cát Lái, xã Phú Hữu; tuyến ống cấp nước ấp Cầu Kê, ấp Bến Cộ, ấp Cái Lái; tuyến ống cấp nước các đường hẻm trên địa bàn thị trấn Hiệp Phước, các xã Phước Thiện, Long Thọ, Phước An, Phú Hội.

Sửa chữa, khắc phục các sự cố:

Xi van 2 chiều D100mm cuối tuyến ống uPVC D114 ấp Phước Lương xã Phú Hữu;

Bể ống HDPE D110 cấp nước cho dân cư dọc tuyến đê Phước Lương và kho 186; HDPE D160 trạm tăng áp Phú Hữu; HDPE D63 hẻm UBND xã Đại Phước; HDPE D160 đường Hùng Vương, xã Phú Đông; HDPE D110 hẻm ông Bảy Dã, ấp Cát Lái, xã Phú Hữu; bể ống uPVC D60 đường 5, khu tái định cư Đại Lộc 1; D200 đường Tôn Đức Thắng, xã Phú Hội; HDPE D160 đường Hùng Vương, xã Long Thọ; HDPE D160 khu dân cư xã Phước Thiện; HDPE D300 tuyến ống Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch; HDPE D200 đường Lý Thái Tổ, xã Phú Hội; HDPE D110 hẻm 512, ấp Bến Cam, xã Phước Thiện.

Xi mới hàn tê HDPE D160x110 đường hẻm Nhà Thờ, xã Đại Phước; xi mới nối mềm D160 khu tái định cư Đại Lộc 2, tuyến ống HDPE D225, đường Lý Thái Tổ, xã Phước Thiện; xi ống thép D150 băng cầu Phước Lý, xã Đại Phước

Xi mới hàn ống HDPE D63, ống HDPE D160 từ trạm tăng áp Phú Hữu cấp cho tuyến ống kho 186; ống HDPE D63mm hẻm số 30 cũ, ấp Cầu Kê, xã Phú Hữu;

Xi cô dề D110 hẻm karaoke Triều Tiên, xã Long Thọ; D110 hẻm Bảy Xong, xã Phước Thiện; D110 hẻm D110 hẻm Cờ Ho và hẻm Tâm Bình An, thị trấn Hiệp Phước; D160 ấp 1, xã Long Thọ; D160 ấp Bà trường, xã Phước An.

Sửa chữa sự cố cháy bơm giếng G1 trạm bơm Đại Phước; khắc phục sự cố kẹt bơm, thổi rửa giếng G9 trạm bơm Đại Phước; sửa chữa sự cố cháy bơm giếng G2 đường Lý Thái Tổ, trạm bơm Đại Phước; sửa chữa hệ thống điện giếng G5 trạm bơm đường số 2; thay thế van 2 chiều giếng G6 trạm bơm đường số 2.

Công tác tổ chức kiểm tra hỗ trợ cấp nước khách hàng, mạng lưới cấp nước truyền tải và phân phối định kỳ mỗi tháng 2 lần, khắc phục và giải quyết các trường hợp đồng hồ hư, chạy không chính xác, nhằm hạn chế tỷ lệ nước thất thoát. Công ty đã kiểm tra: 2.419 lượt khách hàng là các Cơ quan và các Doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, 185 khách hàng hộ dân cư trên địa bàn.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành tại 31/12/2021



ÔNG NGÔ DƯƠNG ĐẠI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM GIÁM ĐỐC

Năm sinh	1979
Nguyên quán	Hung Yên
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác

2001 - 2005	Nhân viên Phòng QLĐT&XD CB Công ty Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
2006 - 2008	Phó phòng Phòng QLĐT&XD CB Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
2008 - 2010	Phó phòng Phòng KHKT-BQL Dự án Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
2010 - 2012	Phó Giám đốc Ban quản lý các dự án Cấp nước - Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
2012 - 2018	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
2018 - Nay	Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch

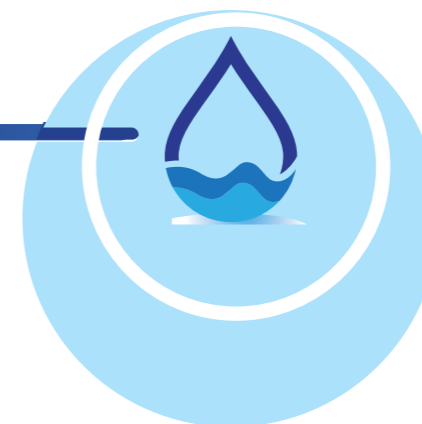
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phiếu - Tỷ lệ 0,3% vốn điều lệ

Đại diện phân vốn: tại Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai 1.400.000 cổ phần - tỷ lệ 14% vốn điều lệ



Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2021

Trong năm 2021, Công ty không có sự thay đổi nào trong Ban điều hành.



ÔNG NGUYỄN LUƠNG THẮNG PHÓ GIÁM ĐỐC

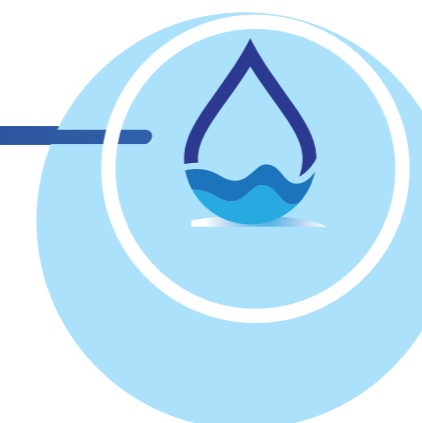
Năm sinh	1975
Nguyên quán	Thanh hóa
Nơi sinh	Thanh Hoá
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện khí hoá

Quá trình công tác

2002 - 2012	Công nhân - Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
2012 - 2017	Phó Quản đốc - Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
2017 - 2018	Quản đốc - Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
2018 - Nay	Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phiếu - Tỷ lệ 0,2% vốn điều lệ

Đại diện phân vốn: 0 cổ phiếu



ÔNG TRẦN VĂN THUY TV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh	1979
Nguyên quán	Nam Định
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán

Quá trình công tác

2002 - 2006	Công nhân tại Xí nghiệp nước Nhơn Trạch
2006 - 2008	Nhân viên phòng Tổng hợp Xí nghiệp nước Nhơn Trạch
2008 - 2010	Nhân viên phòng TCKT Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
2010 - 2011	Phụ trách phòng TCKT Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
2011 - 2015	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
2015 - 2018	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
2018 - Nay	TV Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.600 cổ phiếu - Tỷ lệ 0,016% vốn điều lệ

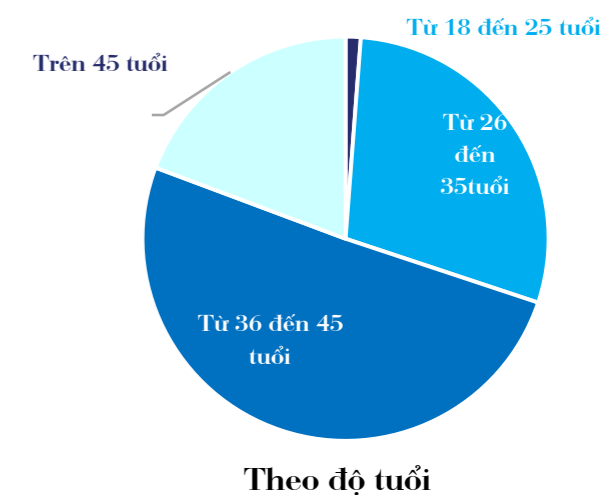
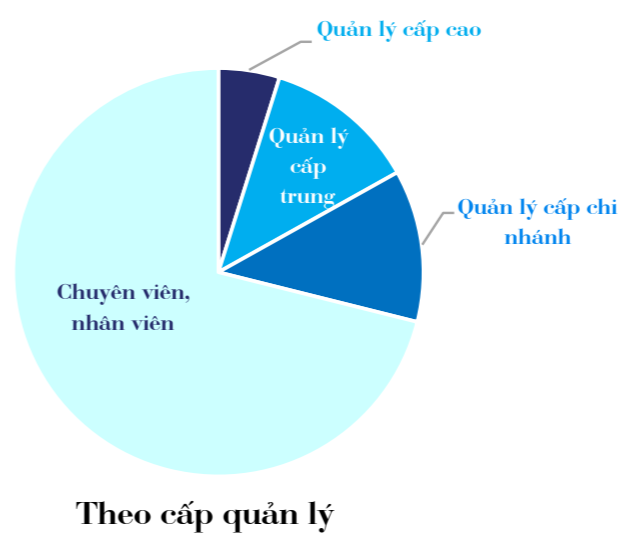
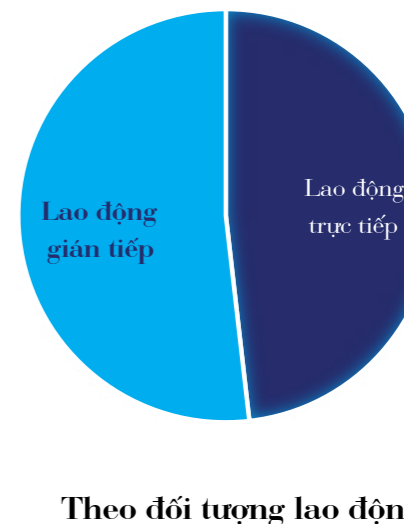
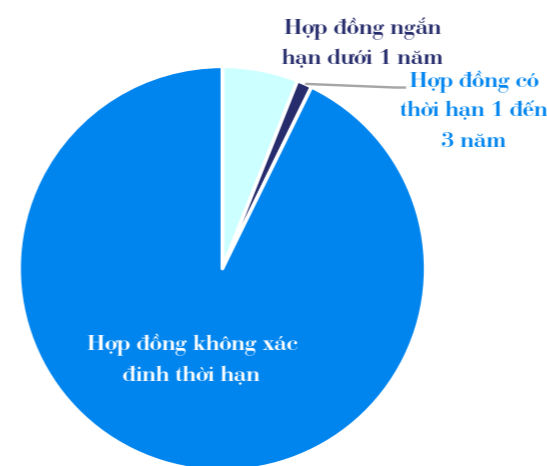
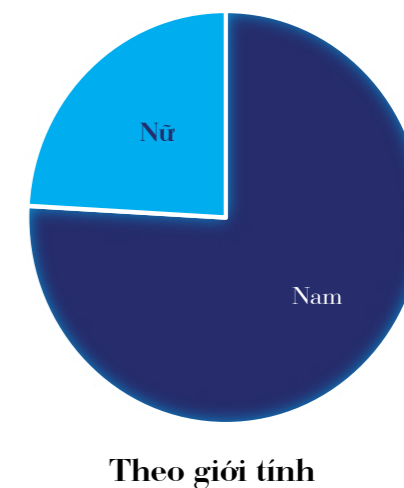
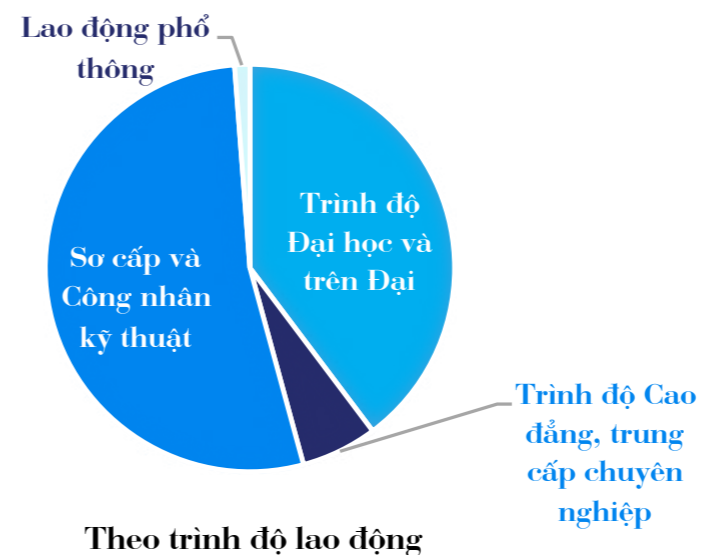
Đại diện phân vốn: tại Công ty Cấp nước Đồng Nai 1.200.000 cổ phiếu - Tỷ lệ 12% vốn điều lệ



Số lượng cán bộ, nhân viên tính tại ngày 31/12/2021

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ lao động	83	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	33	39,76%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	5	6,02%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	44	53,02%
4	Lao động phổ thông	1	1,20%
B	Theo đối tượng lao động	83	100%
1	Lao động trực tiếp	40	48,19%
2	Lao động gián tiếp	43	51,81%
C	Theo giới tính	83	100%
1	Nam	63	75,9%
2	Nữ	20	24,1%
D	Theo thời hạn HĐLĐ	83	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	5	6,02%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	1	1,2%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	77	92,77%
E	Theo cấp quản lý	83	100%
1	Quản lý cấp cao	4	4,82%
2	Quản lý cấp trung	10	12,05%
3	Quản lý cấp chi nhánh	10	12,05%
4	Chuyên viên, nhân viên	59	71,08%
F	Theo độ tuổi	83	100%
1	Từ 18 đến 25 tuổi	1	1,20%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	24	28,92%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	42	50,6%
4	Trên 45	16	19,28%

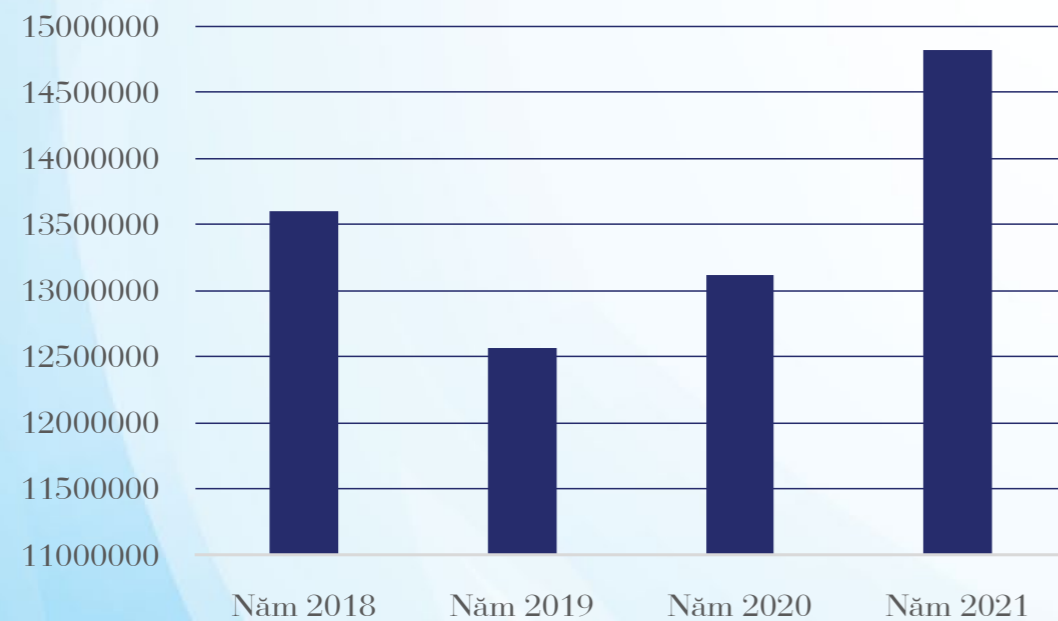
Biểu đồ thể hiện cơ cấu Cán bộ, công nhân viên trong năm 2021





Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	13.600.000	12.568.000	13.120.000	14.820.000



Biểu đồ thể hiện thu nhập bình quân của Cán bộ, công nhân viên

Chính sách nhân sự

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty luôn tạo điều kiện để người lao động yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài, thực hiện quy chế trả lương và chính sách phúc lợi tuân theo các quy định rõ ràng của Công ty dựa theo cấp bậc và năng suất làm việc của mỗi nhân viên, đồng thời thực hiện các chính sách khen thưởng nhân viên đạt thành tích tốt trong công việc. Ngoài ra, Công ty luôn đảm bảo cung cấp đầy đủ các chế độ như: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn, Bảo hiểm Y tế theo quy định của Bộ Luật lao động.

Điều kiện và chế độ làm việc

Với phương châm “an toàn là trên hết”, Ban lãnh đạo đã tham mưu và phối hợp với các trưởng bộ phận của Công ty để triển khai lắp đặt trang thiết bị tại văn phòng làm việc, nhà xưởng và cung cấp đầy đủ trang bị bảo hộ cho người lao động nhằm tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động.

Công ty nghiêm túc chấp hành theo các quy định của Luật lao động: làm việc 8 giờ/ngày; thời gian giải lao hợp lý; thời gian nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản được bố trí theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Công ty cũng có chính sách đãi ngộ với nhân viên gắn bó lâu dài với công ty, cụ thể cứ mỗi 5 năm làm việc tại Công ty thì sẽ được cộng thêm 1 ngày nghỉ phép.

Công tác đào tạo

Trong năm 2021, Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch đã tổ chức các lớp đào tạo về kỹ năng và kiến thức cho toàn thể cán bộ công nhân viên các cấp, đồng thời Ban lãnh đạo triển khai hoạt động đánh giá năng lực và kết quả làm việc định kỳ phân theo cấp, Phòng, Ban. Từ đó, đưa ra những chính sách khen thưởng, khuyến khích nhân viên đóng góp sáng kiến vào hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như quản lý Công ty.

Hàng năm, cán bộ công nhân viên của Công ty được tham gia các buổi đào tạo về luật như: Luật lao động, Luật thuế, Luật xây dựng,... nhằm nắm bắt kịp thời về những thay đổi của văn bản pháp luật.

Với những chính sách trên, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ lâu dài với người lao động, giữ chân được nhân tài ở lại làm việc và hầu như không có sự thay đổi lớn về nhân sự trong những năm qua.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện một số dự án tu bổ mạng lưới cấp nước trên địa bàn Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai cụ thể như sau:

STT	Tên công trình	Đvt	Thực hiện
			năm 2021 Số lượng
I	Xã Long Tân - Phú Thạnh		
1	Công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước D160 đường ĐT.769 xã Long Tân-Phú Thạnh		
	- Ống HDPE D160	m	9,243
	- Ống HDPE D225	m	233
II	Xã Vĩnh Thanh		
1	Công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước D225 đường Nguyễn Hữu Cảnh		
	- Ống HDPE D225	m	489
III	Xã Long Thọ		
1	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm liên ấp 1-2		
	- Ống HDPE D110	m	836
2	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Lánh		
	- Ống HDPE D110	m	225
3	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Tám Mong		
	- Ống HDPE D110	m	886
4	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Thạnh		
	- Ống HDPE D110	m	612
5	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Xuân		
	- Ống HDPE D110	m	290
6	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Phát		
	- Ống HDPE D110	m	235
7	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Mười Hiền		
	- Ống HDPE D110	m	240
8	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Nhứt Nối Dài		
	- Ống HDPE D110	m	528
9	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Cây Bàng Nối Dài		
	- Ống HDPE D110	m	574
10	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Hội		
	- Ống HDPE D110	m	275

STT	Tên công trình	Đvt	Thực hiện
			năm 2021 Số lượng
III	Xã Long Thọ		
11	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Bảy Chức		
	- Ống HDPE D110	m	434
12	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Ba Đức		
	- Ống HDPE D110	m	791
13	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Bảy Hoàng Nối Dài		
	- Ống HDPE D110	m	578
14	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Tám Toàn		
	- Ống HDPE D90	m	462
15	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Miếu Cai Vạn		
	- Ống HDPE D110	m	1,295
16	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Hùng		
	- Ống HDPE D110	m	260
IV	Xã Hiệp Phước		
1	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Chùa Quang Mỹ		
	- Ống HDPE D110	m	293
2	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Thầy Giáo Kiều		
	- Ống HDPE D110	m	116
3	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Đình Phước Kiểng		
	- Ống HDPE D110	m	461
4	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước Hẻm Hai Nhơn		
	- Ống HDPE D110	m	231
5	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước Hẻm Năm Cái		
	- Ống HDPE D110	m	676
6	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước Hẻm Karaoke Xuân Đào		
	- Ống HDPE D110	m	640
7	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước Hẻm Ông Bảy Tới		
	- Ống HDPE D110	m	416
8	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước Hẻm Ông Mười Bốn		
	- Ống HDPE D110	m	174
9	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước Hẻm Chùa Phước Quang		
	- Ống HDPE D110	m	580
10	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Am		
	- Ống HDPE D110	m	922
11	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Hương		
	- Ống HDPE D110	m	756
12	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm nhánh đường UBND xã Hiệp Phước		
	- Ống HDPE D110	m	322
13	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Hai Dương		
	- Ống HDPE D110	m	445
14	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Chánh		
	- Ống HDPE D110	m	185



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn(tt)

STT	Tên công trình	Đvt	Thực hiện
			năm 2021 Số lượng
V	Xã Long Tân		
1	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm 1234		
	- Ống HDPE D110	m	540
2	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm 1318		
	- Ống HDPE D110	m	290
3	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm 1380		
	- Ống HDPE D110	m	635
4	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm CVH Ấp 5-7 Bình Phú		
	- Ống HDPE D110	m	300
5	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Sửa xe Bảy Hùng		
	- Ống HDPE D110	m	290
6	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm 1434		
	- Ống HDPE D110	m	435
VI	Xã Phú Thạnh		
1	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Đường số 15		
	- Ống HDPE D110	m	1,194
2	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm 1620		
	- Ống HDPE D110	m	900
3	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm 1752		
	- Ống HDPE D110	m	560
4	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm 1861		
	- Ống HDPE D110	m	440
5	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm 1909		
	- Ống HDPE D110	m	740
6	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm 1889		
	- Ống HDPE D110	m	230
VII	Xã Phước Thiện		
1	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm 65		
	- Ống HDPE D110	m	944
2	Công trình: Khoan thay thế giếng C6 (đường Lý Thái Tổ) Nhà máy xử lý nước Đại Phước		
	- Giếng khoan	cái	1





Tình hình tài chính

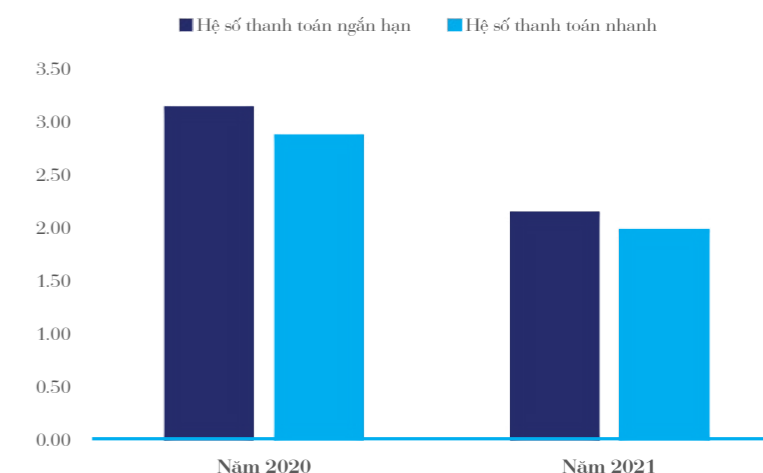
Đvt: Triệu đồng				
STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% 2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	192.812	212.015	109,96%
2	Doanh thu thuần	160.359	162.139	101,11%
3	Giá vốn hàng bán	135.16	136.601	101,07%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.051	13.307	101,96%
5	Lợi nhuận khác	240	3.544	1476,67%
6	Lợi nhuận trước thuế	13.291	16.851	126,79%
7	Lợi nhuận sau thuế	12.131	15.265	125,83%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	3,14	2,15
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	2,87	2
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	11,52	18,4
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	13,02	22,54
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	22,67	22,91
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,83	0,8
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,57	9,42

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Nhìn chung các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của NTW biến động khá lớn, với hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt giảm từ 3,14 lần xuống 2,15 lần và từ 2,88 lần xuống 1,99 lần. Nguyên nhân chính đến từ nguồn tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty tăng làm tài sản ngắn hạn của NTW tăng, đạt ở mức 84 tỷ năm 2021 tương đương tăng 19,88% so với năm 2020 đồng thời giá trị nợ phải trả cũng tăng mạnh ở mức 39 tỷ năm 2021 tương đương tăng 75,58% so với năm 2020. Bên cạnh đó, sản lượng hàng tồn kho giảm nhẹ làm cho hệ số thanh toán nhanh của công ty cũng giảm đáng kể.

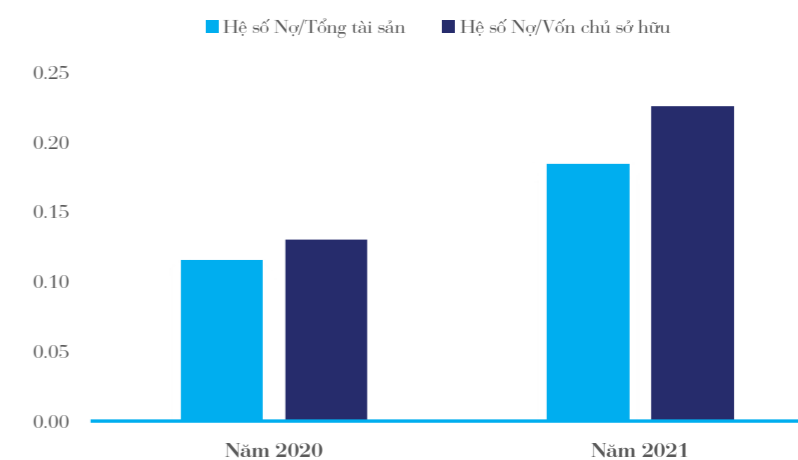


Biểu đồ thể hiện chỉ tiêu về khả năng thanh toán nhanh



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch trong năm vừa qua có sự biến động mạnh, với hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu đều đồng loạt tăng ở mức 18,4% và 22,54% năm 2021. Nguyên nhân chính đến từ việc phát sinh các khoản nợ ngắn hạn đối với các đối tác cấp nước chủ yếu là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, Công ty cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới, Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đức Anh và một số nhà cung cấp khác làm cho khoản nợ phải trả trong năm tăng 75,58% so với năm 2020. Thêm nữa, tổng tài sản của Công ty cũng biến động chủ yếu ở phần tài sản ngắn hạn và tăng 19,88% so với năm 2020, nguồn vốn chủ sở hữu cũng tăng 1,41% nhờ vào khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân kỳ này tăng nhẹ.



Biểu đồ thể hiện cơ cấu vốn

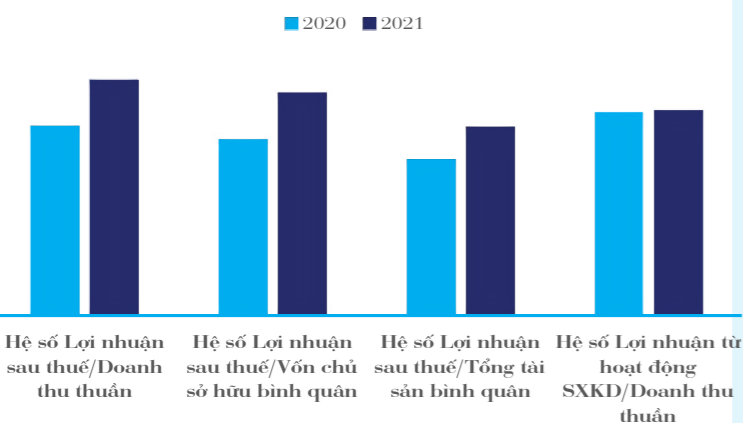


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

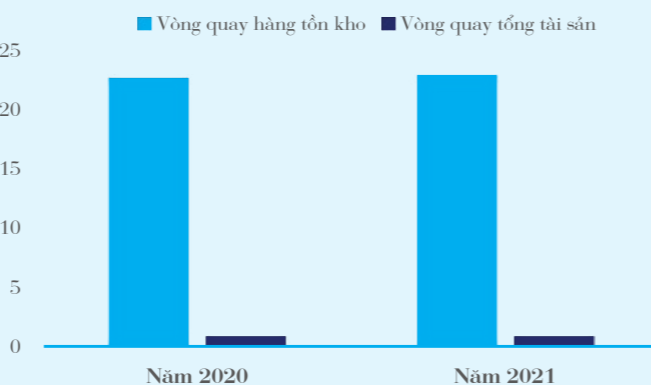
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu(tt)

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản của Công ty trong năm 2021 đều biến động nhẹ, với vòng quay hàng tồn kho tăng từ 22,67 vòng năm 2020 lên 22,91 vòng năm 2021 do giá vốn hàng bán tăng 1,77% so với năm 2020 và giá trị hàng tồn kho bình quân cũng giảm tương ứng. Bên cạnh đó, Công ty không có các khoản giảm trừ doanh thu giúp Công ty hạn chế được chi phí, khi đó Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chính là doanh thu không phát sinh chi phí nào khác, đây là một lợi thế cho hoạt động sản xuất kinh doanh của NTW với doanh thu trong năm đạt 162 tỷ đồng tương đương tăng 1,11% so với năm 2020 và tổng tài sản bình quân tăng so với cùng kỳ năm 2020 làm cho vòng quay tổng tài sản giảm từ 0,83 vòng xuống 0,8 vòng.



Biểu đồ thể hiện chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Biểu đồ thể hiện chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Đối mặt với những khó đến từ đại dịch Covid-19 trong năm 2021, Ban lãnh đã nỗ lực thực hiện các biện pháp hỗ trợ người lao động nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của NTW được ổn định. Chính vì vậy, các giá trị doanh thu, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận kế toán trước thuế, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty đều tăng và lần lượt ở mức 162 tỷ đồng, 13 tỷ đồng, 16 tỷ đồng và 15 tỷ đồng. Do đó các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2021 đều đồng loạt tăng cụ thể: Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần đạt 9,42%, Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân đạt 8,89% và Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân đạt 7,54% và Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần đạt 8,21%.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 10.000.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 10.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông

Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại 31/12/2021

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông Nhà nước	5.243.736	52.437.360.000	52,44
II	Cổ đông trong nước	8.512.419	85.124.190.000	85,12
1	Cá nhân	2.647.377	26.473.770.000	26,47
2	Tổ chức	5.865.042	58.650.420.000	68,9
III	Cổ đông nước ngoài	1.487.581	14.875.810.000	14,87
1	Cá nhân	20,176	201.176.000	0,2
2	Tổ chức	1.467.405	14.674.050.000	14,67
Tổng cộng (II+III)		10.000.000	100.000.000.000	100

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 14,99%

Danh sách cổ đông lớn

TT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Số 48 Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	5.243.736	52,44%
2	America LLC	PO Box F43031, Freeport, Bahamas	1.467.405	14,67%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính

Trực tiếp:

Nguồn nước của NTW được mua từ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới, nên lượng phát thải khí ra môi trường rất ít. Tuy vậy, trong hoạt động của mình công ty luôn chủ động kiểm soát lượng khí thải ra môi trường.

Gián tiếp:

Điện năng tiêu thụ chủ yếu được sử dụng để phục vụ công việc tại văn phòng trụ sở và vận hành trang thiết bị phân phối nước. Điều này cũng tạo ra một lượng phát thải khí nhà kính nhất định ra môi trường, nhận thức được việc này, Công ty cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên đều có ý thức cao trong việc sử dụng điện hợp lý nhằm giảm thiểu tối đa các tác nhân gây hại đến môi trường.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Hoạt động chính của NTW chủ yếu là sản xuất và phân phối nước cho khu công nghiệp và các hộ dân tại khu vực huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Chính vì vậy Công ty luôn quan tâm 2 nguồn nguyên liệu chính là nguồn nước đầu vào và lượng hóa chất sử dụng trong hoạt động xử lý nguồn nước. Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện tính toán nguồn nguyên liệu đầu vào phù hợp với kế hoạch sản xuất nước của công ty trong năm, đồng thời đẩy mạnh công tác sửa chữa mạng lưới cấp nước, thay và gắn đồng hồ mới nhằm hạn chế tỷ lệ thất thoát nước và sử dụng hóa chất xử lý nước một cách hợp lý, kiểm soát được nguyên liệu đầu vào cho doanh nghiệp và hạn chế lượng hóa chất thải ra môi trường

Tiêu thụ năng lượng

Nguồn năng lượng chủ yếu mà Công ty sử dụng là điện năng tại văn phòng và nhà máy phân phối nước, chính vì thế nguồn năng lượng điện là yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất và phân phối nước của mình. Trong năm 2021, Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch luôn quán triệt và kêu gọi cán bộ công nhân viên thực hiện tiết kiệm điện năng cả ở nơi làm việc và ở nhà nhằm tiết kiệm nguồn năng lượng cho quốc gia và giảm phát sinh khí thải nhà kính.

Tiêu thụ nước

Nước là nguồn nguyên liệu quan trọng đối với hoạt động sống của con người, và NTW cũng hoạt động trong lĩnh vực cấp nước. Chính vì thế, Công ty luôn đề cao tinh thần sử dụng tiết kiệm nước cho Công ty và cho cộng đồng nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên hữu ích mà không vô hạn của quốc gia cũng như đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Số lượng người lao động của Công ty trong năm 2021 duy trì ở mức 83 người với mức lương trung bình đạt 14.820.000 triệu đồng/tháng.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Người lao động đóng vai trò quan trọng sự phát triển bền vững của Công ty nên việc chăm lo, phát triển nguồn nhân lực vừa là trách nhiệm, vừa là mục tiêu phát triển của Công ty. Theo đó, Công ty tiếp tục thực hiện các chế độ, chính sách cho cán bộ công nhân viên theo quy định của Luật lao động đồng thời thực hiện cấp phát trang bị đồng phục, trang bị bảo hộ lao động, phương tiện làm việc cho người lao động phù hợp cho từng bộ phận. Toàn bộ cán bộ công nhân viên làm việc tại Công ty đều được ký hợp đồng lao động và được hưởng đầy đủ chế độ theo quy định của Bộ Luật lao động.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thi trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Ý thức được tầm quan trọng của mình khi hoạt động trong lĩnh vực cấp nước tại khu vực huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Công ty luôn tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đồng thời hỗ trợ người dân có nguồn nước sạch, an toàn trong sinh hoạt và đảm bảo nguồn nước đạt tiêu chuẩn cho hoạt động sản xuất tại các khu công nghiệp trên địa bàn. Thêm vào đó, Công ty luôn thực hiện đúng và đủ việc kiểm định nước hàng kỳ để đảm bảo chất lượng nước phù hợp với tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh mục tiêu chính là hoạt động đem lại lợi nhuận giúp Công ty phát triển bền vững, NTW luôn đề cao trách nhiệm của mình đối với cộng đồng đặc biệt là khu vực địa bàn hoạt động của mình. Trong năm 2021, Công ty đã tạo công việc ổn định cho người dân trong khu vực đồng gây quỹ hỗ trợ các hộ gia đình gặp khó khăn, thực hiện giảm tiền nước đối với hầu hết các hộ gia đình trong đợt bùng dịch Covid-19 lần thứ 4. Dự kiến trong tương lai, Công ty tiếp tục thực hiện các hoạt động nhằm hỗ trợ tốt hơn cho đời sống cán bộ công nhân viên và người dân trong khu vực.

3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

**Báo cáo tác động liên quan đến môi trường
và xã hội của Công ty**



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Có sự phối hợp nhịp nhàng giữa Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty trong công tác đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và năng suất lao động. Thêm vào đó, Ban chuyên môn sau khi sắp xếp lại cơ cấu tổ chức đã phát huy được tính chủ động, linh hoạt và hiệu quả trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ;

Làn sóng di cư vào khu vực vùng ven các thành phố lớn, nơi tập trung nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất diễn ra mạnh mẽ tạo sự đông đúc cho khu vực và nhu cầu nước sạch cũng tăng lên;

Công ty đã kịp thời áp dụng công nghệ, kỹ thuật hiện đại vào quy trình sản xuất, quản lý thông tin khách hàng giúp nâng cao năng suất và hiệu quả làm việc đồng thời hỗ trợ giải đáp thắc mắc của khách hàng một cách nhanh chóng, kịp thời;

Hoàn thiện tu bổ phần lớn mạng lưới cấp nước theo kế hoạch đã đề ra trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, giúp giảm tỷ lệ thất thoát nước và cung cấp nguồn nước đạt chất lượng tốt nhất cho các hộ gia đình cũng như cho khu công nghiệp.



Thuận lợi

Nguồn nước cung cấp được phép khai thác còn hạn chế, công tác tu bổ hệ thống đường ống dẫn nước tại một số khu vực, đặc biệt các nơi vùng sâu vùng xa còn gặp nhiều khó khăn và bất cập, nên việc tỷ lệ thất thoát nước vẫn chưa được kiểm soát triệt để;

Việc mở rộng mạng lưới cấp nước đến toàn bộ khu vực trên địa bàn tỉnh vẫn đang được triển khai, nhưng vẫn còn gặp một số vấn đề gây ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Nguyên nhân một phần do cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ hoá và phát triển đô thị trong mỗi khu vực khác nhau dẫn đến việc triển khai các dự án mở rộng hệ thống cấp nước gặp nhiều khó khăn;

Giá nguyên vật liệu đầu vào thay đổi qua từng năm, nhưng giá nước máy vẫn chịu sự chi phối bởi các quy định của pháp luật, điều này gây áp lực rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



Khó khăn

Những tiến bộ công ty đã đạt được

Năm vừa qua, Ban điều hành của Công ty đã đơn giản hóa các quy trình thủ tục hành chính giúp rút ngắn thời gian thực hiện cho cả khách hàng và nhân viên Công ty và nâng cao trải nghiệm của khách hàng khi sử dụng dịch vụ của NTW. Bên cạnh đó, Công ty đã ứng dụng thành công hệ thống thông tin điện tử vào quá trình thu tiền, xuất hóa đơn cho khách hàng giúp đơn giản hóa việc thanh toán tiền nước trong thời gian giãn cách xã hội. Bố trí đội ngũ nhân viên trực tổng đài nhằm hỗ trợ nhanh chóng và kịp thời khi khách hàng gặp khó khăn trong công tác hành chính, cũng như kịp thời hỗ trợ khách hàng khi hệ thống đường ống cấp nước gặp sự cố.





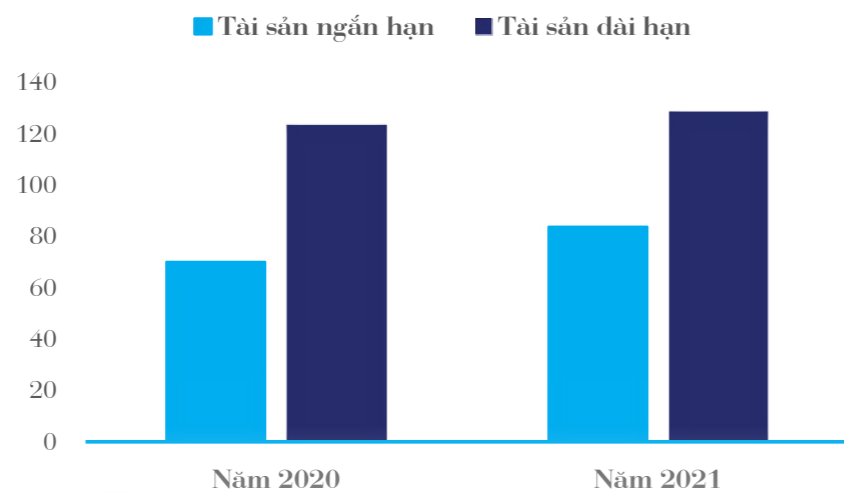
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	TH 2021/ TH 2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	69.842	83.725	119.88%	36.22%	39.49%
Tài sản dài hạn	122.97	128.29	104.33%	63.78%	60.51%
Tổng tài sản	192.812	212.015	109.96%	100%	100%

Cơ cấu tài sản của Công ty trong năm 2021 biến động chủ yếu ở phần tài sản ngắn hạn, cụ thể giá trị tài sản trong ngắn tăng 14 tỷ đồng tương đương tăng 19,88% so với năm 2020, Do khoản tiền và các khoản tương đương tiền tăng nhờ vào khoản tiền gửi ngân hàng không kì hạn đạt ở mức 23 tỷ đồng tương đương tăng 249,5% so với năm 2020. Chính vì vậy, tỷ trọng của tài sản ngắn hạn tăng từ 36,22% lên 39,49% năm 2021 và tỷ trọng tài sản dài hạn trong năm ở mức 60,51%



Biểu đồ thể hiện cơ cấu tài sản

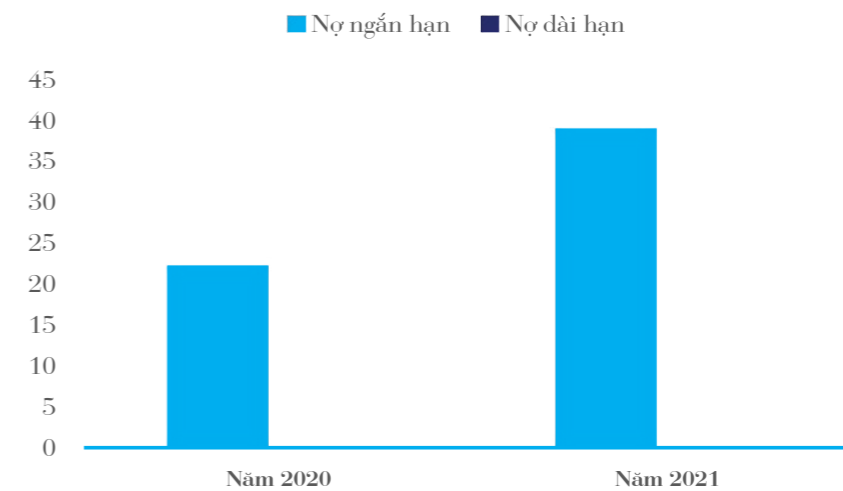


Tình hình nợ phải trả

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	TH 2021/ TH 2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Nợ ngắn hạn	22.213	39.002	175,58%	100%	100%
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải trả	22.213	39.002	175,58%	100%	100%

Công ty tiếp tục hoạt động với nguồn nợ ngắn hạn và không vay nợ dài hạn, do đó trong cơ cấu nợ phải trả của NTW tập trung biến động ở nợ ngắn hạn. Trong năm, Công ty phát sinh các khoản nợ phải trả người bán đối với các bên có liên quan như Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và một số nhà cung cấp khác như Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới, Do đó, Nợ ngắn hạn trong năm đạt ở mức 39 tỷ đồng tương đương tăng 75,58% so với năm 2020



Biểu đồ thể hiện cơ cấu nợ phải trả



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2021, Ban lãnh đạo đã thực hiện cải cách thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và đơn giản hóa thủ tục hành chính. Thêm vào đó, Công ty đã ứng dụng hệ thống thanh toán tiền nước online vào trang web chính thức của mình để việc thanh toán tiền của khách hàng trở nên nhanh chóng và thuận tiện hơn nhất là trong khoảng thời gian dịch bệnh diễn biến phức tạp.

Công ty tiếp tục thực hiện công tác đánh giá chất lượng làm việc đối với các Phòng, Ban để có phương án điều chỉnh chính sách quản lý đối với từng bộ phận được tối ưu hơn.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

TT	CÁC NỘI DUNG	ĐVT	KẾ HOẠCH		THỰC HIỆN	SO VỚI KH 2021	KẾ HOẠCH		% KH 2022 SO VỚI 2021	
			NĂM 2021	NĂM 2022			NĂM 2021	NĂM 2022	SO VỚI KH 2021	SO VỚI THỰC HIỆN 2021
(a)	(b)	(c)	1	2	3=2/1	4	5=4/1	6=4/2		
A SẢN LƯỢNG										
1	Sản lượng sản xuất	m ³	16.490.700	16.006.511	97,06%	16.490.700	100%	103%		
a	Nước sản xuất Nhơn Trạch	m ³	3.485.750	3.122.274	89,57%	2.056.862	59%	65,9%		
	+ Trạm đường 2	m ³	1.514.750	1.144.522	75,56%	-	-	-		
	+ Đại Phước	m ³	1.971.000	1.977.752	100,34%	2.056.862	104,4%	104%		
b	Nước mua qua ĐH tổng Công ty Mẹ	m ³	9.354.950	8.760.796	93,65%	7.216.919	77,1%	82,4%		
c	Nước mua qua ĐH Hồ Cầu Mới	m ³	3.650.000	4.123.441	112,97%	7.216.919	197,7%	175%		
2	Sản lượng ghi thu	m ³	15.253.416	14.959.343	98,07%	15.510.095	101,7%	103,7%		
a	Nước ghi thu Nhơn Trạch	m ³	3.036.307	2.668.807	87,90%	1.696.911	55,9%	63,6%		
	+ Trạm đường 2	m ³	1.410.232	1.095.545	77,69%	0	-	-		
	+ Đại Phước	m ³	1.626.075	1.573.262	96,75%	1.696.911	104,4%	107,9%		
b	Nước mua qua ĐH tổng Công ty Mẹ	m ³	8.709.458	8.318.062	95,51%	6.856.073	78,7%	82,4%		
c	Nước mua qua ĐH Hồ Cầu Mới	m ³	3.507.650	3.972.474	113,25%	6.957.111	198,3%	175,1%		
3	Tỷ lệ thất thoát	%	7,50	6,54	87,19%	5,95	-1,56	-0,60		
a	Nhơn Trạch	%	12,89	14,52	112,64%	17,50	4,61	2,98		
	+ Trạm đường 2	%	6,90	4,28	62,02%	-	-	-		
	+ Đại Phước	%	17,50	20,45	116,87%	17,50	-	0,86		
b	Mua qua ĐH tổng Công ty Mẹ	%	6,90	5,05	73,24%	-	-	-0,05		
c	Mua qua ĐH Hồ Cầu Mới	%	3,90	3,66	93,88%	3,60	-0,30	-0,06		
B	TỔNG DOANH THU	Tr.đồng	168,448	168,004	99,74%	168,772	100,2%	100,5%		
C	CHI PHÍ TRỰC TIẾP	Tr.đồng	138,993	136,601	98,28%	145,5	104,7%	106,5%		
D	CHI PHÍ QUẢN LÝ	Tr.đồng	9,93	9,733	98,01%	7,712	77,7%	79,2%		
E	CHI PHÍ BÁN HÀNG	Tr.đồng	5,041	4,467	88,63%	3,938	78,1%	88,2%		
F	TỔNG CHI PHÍ (C+D+E)	Tr.đồng	153,964	151,153	98,17%	157,151	102,1%	104%		
G	LỢI NHUẬN (trước thuế)	Tr.đồng	14,484	16,851	116,34%	11,62	80,2%	69,0%		
H	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Tr.đồng	12,786	15,265	119,39%	10,358	81%	67,9%		
I	CÁC KHOẢN NỘP NS	Tr.đồng	4,235	3,817	90,13%	2,572	60,7%	67,4%		
J	TỶ LỆ CHIA CỔ TỨC	%	12%	12%	100%	10%	83,3%	83,3%		
K	TỔNG QUỸ LƯƠNG (1+2)	Tr.đồng	15,141	14,82	97,88%	12,2	80,6%	82,3%		

Biện pháp thực hiện

Tiếp tục phổ biến, vận động và tuyên truyền Cán bộ nhân viên thực hiện tốt các quy định quy chế làm việc của Công ty, thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật nhà nước; tiếp tục thực hiện cuộc vận động “học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đặc biệt nâng cao về nhận thức, hành động và thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Phối hợp với Ban quản lý Khu công nghiệp, Công an khu công nghiệp Nhơn Trạch bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực và giải quyết một số công việc có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh;

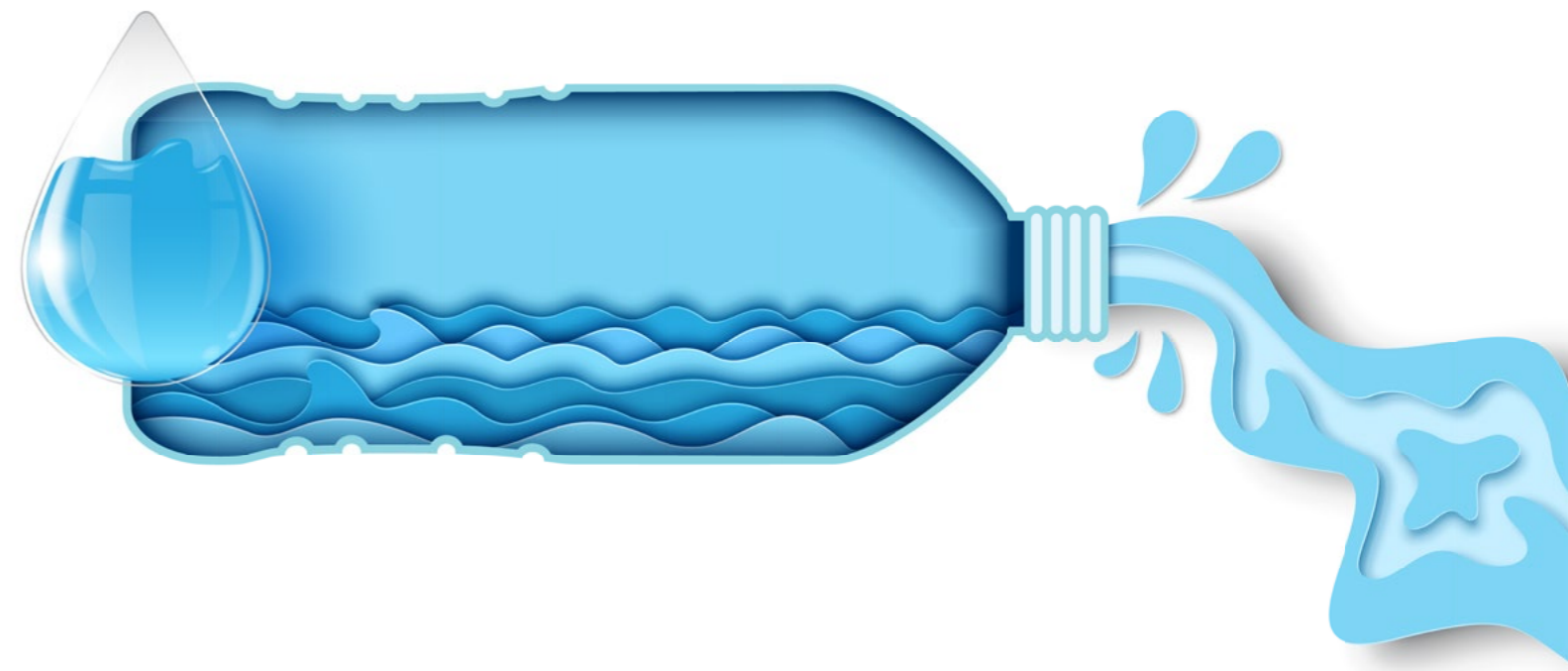
Tranh thủ sự quan tâm của Chính quyền địa phương huyện Nhơn Trạch để phát triển các mạng lưới cấp nước cho các khu dân cư, khu công nghiệp trên địa bàn.

Tập trung mọi khả năng cung cấp nước ổn định cho sản xuất và sinh hoạt của các Doanh nghiệp và các khu dân cư trên địa bàn.

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra bảo trì, sửa chữa, nâng cấp mạng lưới cấp nước và đồng hồ nước khách hàng nhằm hạn chế tỷ lệ thất thoát nước.

Thực hiện bảo dưỡng máy móc thiết bị thường kỳ, khắc phục kịp thời các sự cố kỹ thuật đảm bảo sản xuất ổn định.

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trong toàn Công ty, thường xuyên kiểm tra hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp giao dịch tiếp xúc với khách hàng nhằm nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch đầu tư

Dự kiến trong năm 2022, Công ty triển khai thực hiện các dự án chuyển sang từ năm 2021 và triển khai thực hiện các dự án mới. Trong đó cụ thể như sau:

STT	Tên công trình	ĐVT	Kế hoạch
			năm 2022
Số lượng			
Dự án chuyển tiếp từ năm 2021 sang năm 2022 thực hiện			
I	Xã Phú Hữu		
1	Công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước D225 Đê Phước Lương		3000
	- Ống HDPE D225	m	
II	Xã Phước An		
1	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Đường Dương Văn Đăng - Tổ 1		
	- Ống HDPE D110	m	600
2	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Đường Tổ 5 - Tổ 6		
	- Ống HDPE D110	m	540
3	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Đường Cống Văn Hóa - Tổ 7, 8		
	- Ống HDPE D110	m	480
4	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Đường Nguyễn Văn Thành - Tổ 8		
	- Ống HDPE D110	m	140
5	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Đường Phạm Văn Việt - Tổ 7		
	- Ống HDPE D110	m	200
III	Xã Phú Hội		
1	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Đường Tổ 2, ấp Phú Mỹ 1		
	- Ống HDPE D110	m	170
2	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Đường Tổ 3, ấp Phú Mỹ 1		
	- Ống HDPE D110	m	840
3	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Đường Tổ 4, ấp Phú Mỹ 1		
	- Ống HDPE D110	m	100
4	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Đường Tổ 5-8, ấp Đất Mới		
	- Ống HDPE D110	m	300
5	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Đường Tổ 6, ấp Đất Mới		
	- Ống HDPE D110	m	250

STT	Tên công trình	ĐVT	Kế hoạch
			năm 2022
Số lượng			
Dự án triển khai thực hiện trong năm 2022			
I	Xã Phước Thiện		
1	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Bà Hai Lợi (hẻm 486), ấp Bến Cam		
	- Ống HDPE D110	m	305
2	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Bà Sáu Nào, ấp Bến Sắn		
	- Ống HDPE D110	m	169
3	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Ba Nghĩa (hẻm 296/7/8), ấp Bến Sắn		
	- Ống HDPE D110	m	269
4	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Miếu Cây Đa (hẻm 63/7/28), ấp Chợ		
	- Ống HDPE D110	m	145
5	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Chinh (hẻm 65/18), ấp Chợ		
	- Ống HDPE D110	m	495
6	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Hậu, ấp Chợ		
	- Ống HDPE D110	m	145
7	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Bưu Điện, ấp Trầu		
	- Ống HDPE D110	m	185
8	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm đối diện Thư Viện, ấp Bến Sắn		
	- Ống HDPE D110	m	744
II	Xã Vĩnh Thanh		
1	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường số 6 (hẻm 2132), ấp Chính Nghĩa		
	- Ống HDPE D110	m	611
2	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường số 8 (hẻm 2156), ấp Chính Nghĩa		
	- Ống HDPE D110	m	337
3	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường số 2 (hẻm 2072), ấp Đại Thắng		
	- Ống HDPE D110	m	335
4	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường số 4 (hẻm 2068), ấp Đại Thắng		
	- Ống HDPE D110	m	375
5	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường số 1932, ấp Nhất Trí		
	- Ống HDPE D110	m	337
6	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường số 1956, ấp Nhất Trí		
	- Ống HDPE D110	m	270
7	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường số 5, ấp Đoàn Kết		
	- Ống HDPE D110	m	877
8	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường số 6, ấp Đoàn Kết		
	- Ống HDPE D110	m	419
9	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường số 14, ấp Thành Công		
	- Ống HDPE D110	m	595
10	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường số 17, ấp Thành Công		
	- Ống HDPE D110	m	590



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

STT	Tên công trình	ĐVT	Kế hoạch
			năm 2022
Số lượng			
Dự án triển khai thực hiện trong năm 2022			
III	Xã Phú Hội		
1	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường tổ 5-tổ 6 (hẻm 789), ấp Phú Mỹ 1		
	- Ống HDPE D110	m	1,095
2	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường tổ 1-tổ 2, ấp Phú Mỹ 1		
	- Ống HDPE D110	m	239
3	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường Bờ, ấp Đất Mới		
	- Ống HDPE D110	m	1,041
4	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường Xóm đạo, ấp Đất Mới		
	- Ống HDPE D110	m	1,221
5	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường 13.1, ấp Phú Mỹ 2		
	- Ống HDPE D110	m	207
6	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường tổ 7 (hẻm 674), ấp Phú Mỹ 2		
	- Ống HDPE D110	m	120
7	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường tổ 5-tổ 6, ấp Xóm Hố		
	- Ống HDPE D110	m	275
8	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường tổ 4-tổ 13, ấp Xóm Hố		
	- Ống HDPE D110	m	747
IV	Xã Hiệp Phước		
1	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D220 đường 25B		
	- Ống HDPE D225	m	1,7
2	Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước Formosa		
	- Ống HDPE D110	m	275





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Tiêu thụ năng lượng:

Điện năng là nguồn năng lượng chính trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Cụ thể, nguồn điện chủ yếu sử dụng trong khu vực văn phòng và vận hành các thiết bị, máy móc. Trong quá trình vận hành doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn đưa ra kế hoạch sử dụng nguồn năng lượng hợp lý.

Đối với thiết bị, máy móc, Công ty luôn thực hiện kiểm tra định kỳ, sửa chữa các bộ phận bị hư hỏng, thay thế khi đã quá cũ hoặc tiêu thụ quá nhiều năng lượng so với các thiết bị đang có trên thị trường. Tại khu vực văn phòng, Công ty cũng đã lắp đặt các trang thiết bị tiết kiệm điện năng, thân thiện môi trường. Ngoài ra, Công ty luôn chủ trương khuyến khích toàn thể cán bộ công nhân viên sử dụng tiết kiệm điện trong sản xuất và đời sống.

Tiêu thụ nước:

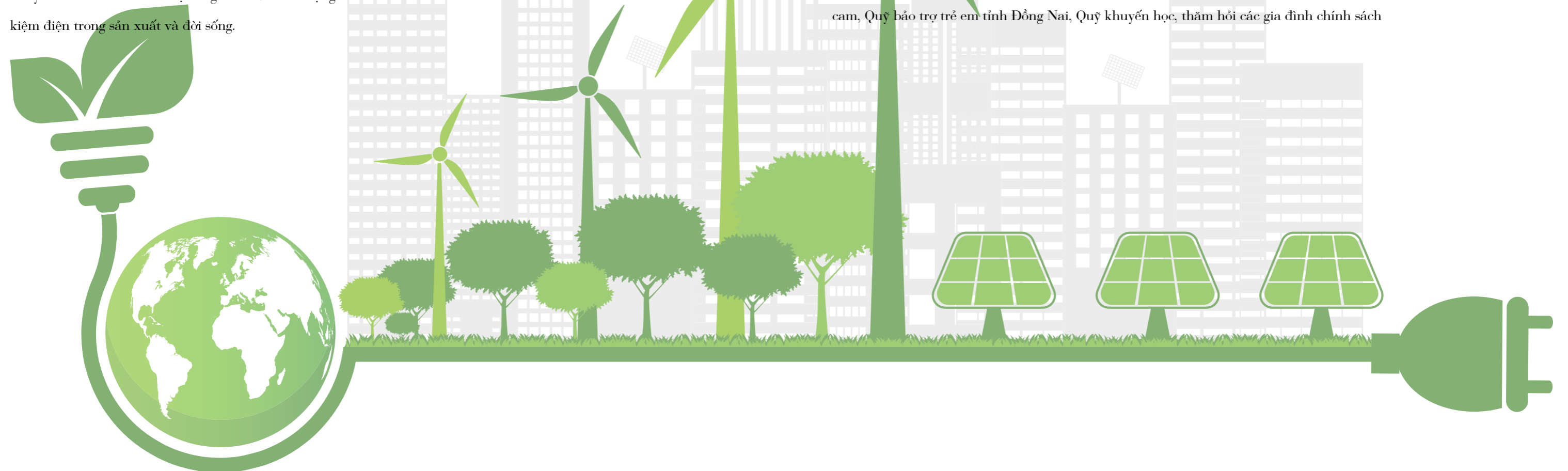
Nguồn nước đối với NTW là vừa giữ vai trò nguồn nguyên liệu đầu vào vừa là sản phẩm đầu ra trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Nguyên liệu đầu vào chủ yếu được mua từ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới, nên Ban lãnh đạo luôn phải dự phóng trước mức tiêu thụ trong tương lai để đưa ra kế hoạch thu mua, phân phối nước sao cho hiệu quả nhất.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật, thu nhập của người lao động cũng được Công ty tăng qua từng năm, nhờ đó góp phần thúc đẩy tinh thần làm việc và gắn bó của Cán bộ công nhân đối với Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng tổ chức các hoạt động đoàn thể, tuyên dương khen thưởng nhằm cải thiện, nâng cao tinh thần đoàn kết của tập thể và đảm bảo mục tiêu phát triển nguồn nhân lực mà Công ty luôn theo đuổi.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Không chỉ tập trung vào phát triển hoạt động kinh doanh, Công ty cũng chú trọng việc phát triển, cải thiện cộng đồng địa phương. Nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình đối với khu vực hoạt động của mình, NTW luôn đảm bảo cung cấp đầy đủ nguồn nước sạch đến người dân trong khu vực. Đồng thời hợp tác cùng các ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống, chăm lo sức khỏe cho cộng đồng, thực hiện quyên góp ủng hộ người dân có hoàn cảnh khó khăn trong khu vực và tham gia ủng hộ các quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Quỹ Xây nhà đồng đội, Quỹ ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam, Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Đồng Nai, Quỹ khuyến học, thăm hỏi các gia đình chính sách



4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

**Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của
Công ty**

**Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc
Công ty**

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2021, Công ty tiếp tục chú trọng mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận và phát triển Công ty bền vững. Bên cạnh nỗ lực thực hiện kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra, Công ty cũng đồng thời thực hiện trách nhiệm đối với các vấn đề môi trường và xã hội. Toàn thể công nhân viên của Công ty có ý thức cao trong việc sử dụng tiết kiệm nguồn nước, điện năng, thực hiện phân loại rác và xử lý rác thải văn phòng theo đúng Luật Bảo vệ môi trường góp phần giảm thiểu các tác nhân gây hại cho môi trường. Công ty đảm bảo công ăn việc làm ổn định với mức thu nhập hấp dẫn cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty, người lao động được ký kết hợp đồng đúng theo Luật lao động Việt Nam.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao và ghi nhận những nỗ lực của Ban Giám đốc trong việc điều hành và quản trị Công ty; mở rộng thị phần khách hàng; quản lý nguồn vốn mang lại hiệu quả tích cực cho Công ty và cổ đông. Ban Giám đốc đã duy trì hoạt động thống nhất và xây dựng tinh thần đoàn kết trong tập thể; phân công, giao việc khoa học và hiệu quả; các thành viên làm việc năng nổ, quyết đoán và chuyên nghiệp trong công việc. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc phát huy tốt vai trò truyền lửa đến cho đội ngũ nhân viên thúc đẩy tính sáng tạo và không ngừng học hỏi trong công việc và trong các hoạt động đoàn thể.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị tiếp tục lãnh đạo Ban điều hành Công ty thực hiện đúng Nghị quyết đã thông qua Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch đồng thời đưa ra phương án thực hiện cụ thể đối với các nội dung. Chấp hành quy định của Luật doanh nghiệp, Luật bảo vệ môi trường và theo dõi tình hình biến động của thị trường để có phương án ứng phó kịp thời.

Tiếp tục cải tạo mạng lưới đường ống dẫn theo kế hoạch nhằm hạn chế tối đa tỷ lệ thất thoát nước và xây dựng quy trình kiểm định chất lượng nước chặt chẽ đảm bảo chất lượng nước đúng với quy định của Bộ Y tế.

Thực hiện chuyển đổi số toàn bộ hồ sơ khách hàng giúp cán bộ công nhân viên quản lý hiệu quả thông tin hồ sơ khách hàng và hỗ trợ khách hàng nhanh chóng giúp nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng của NTW.

Xây dựng đội hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn giàu kinh nghiệm nhằm hỗ trợ khách hàng giải đáp những khó khăn về khâu thủ tục, giấy tờ cũng như có mặt tại hiện trường thực hiện các công tác kỹ thuật về tháo lắp, nâng dời, đổi mới đồng hồ nước kịp thời.



5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

**Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**

Thành phần và cơ cấu HĐQT

Tính đến ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Lịch	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ngô Dương Đại	TV Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
3	Trần Văn Thuỳ	TV Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng
4	Nguyễn Viết Hưng	TV Hội đồng quản trị
5	Vũ Văn Luyến	TV Hội đồng quản trị

Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị thay đổi trong năm:

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Văn Hồng	TV Hội đồng quản trị	4/26/2018	4/26/2021

Thông tin thành viên HĐQT
ÔNG NGUYỄN VĂN LỊCH CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện phần vốn Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai: 1.843.736 cổ phần - tỷ lệ 18,437% vốn điều lệ

ÔNG NGÔ DƯƠNG ĐẠI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM GIÁM ĐỐC

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phần - tỷ lệ 0,3% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai: 1.400.000 cổ phần - tỷ lệ 14% vốn điều lệ

ÔNG TRẦN VĂN THUỶ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM KẾ TOÁN TRƯỞNG

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.600 cổ phần - tỷ lệ 0,016% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai: 1.200.000 cổ phần - tỷ lệ 12% vốn điều lệ

ÔNG NGUYỄN VIẾT HUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

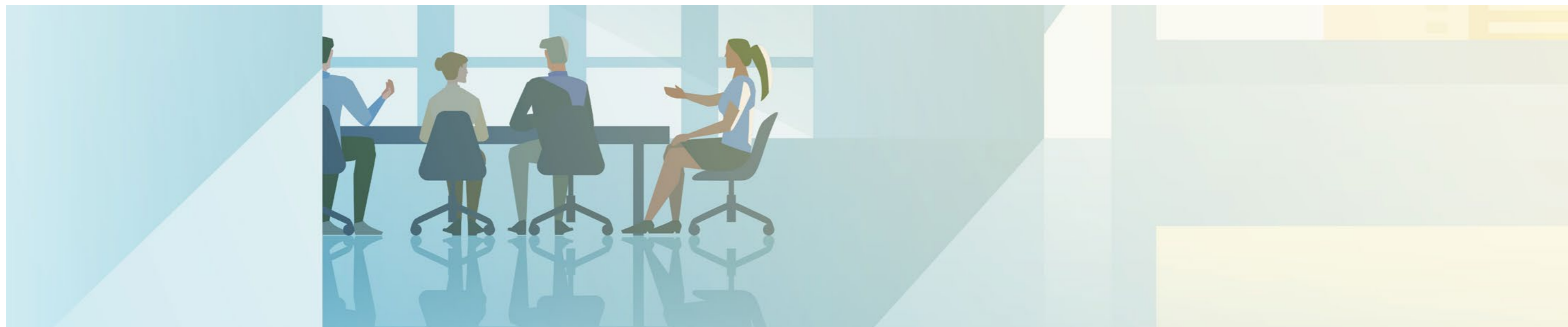
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: 60.000 cổ phần - tỷ lệ 0,6% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần

ÔNG VŨ VĂN LUYẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có


Hoạt động của Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ hàng Quý nhằm đảm bảo nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra những Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh hàng Quý. Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ Công ty, dự họp đầy đủ và có nhiều ý kiến đóng góp thiết thực cho việc ban hành và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đảm bảo cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty theo kế hoạch.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Văn Lịch	Chủ tịch	7	100%	
2	Ngô Dương Đại	Thành viên	7	100%	
3	Trần Văn Thuỳ	Thành viên	7	100%	
4	Nguyễn Việt Hưng	Thành viên	7	100%	
5	Vũ Văn Luyến	Thành viên	4	57,14%	Bổ nhiệm từ 26/04/2021
6	Nguyễn Văn Hồng	Thành viên	3	42,86%	Miễn nhiệm từ 26/04/2021



Nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp với nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2021/NQ-HDQT-NTW	1/7/2021	Nghị quyết về việc thanh lý xe ô tô khách Toyota Hiace biển số 60B - 024.88
2	01/2021/QĐ-HDQT-NTW	2/8/2021	Quyết định về việc phê duyệt quyết toán dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình) hoàn thành. Tên dự án: nâng cấp, mở rộng nhà máy xử lý nước Đại Phước công suất 5.000m ³ /ngày.đêm.
3	02/2021/NQ-HDQT-NTW	3/8/2021	Nghị quyết về việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
4	03/2021/NQ-HDQT-NTW	4/5/2021	Nghị quyết về việc thông qua các nội dung và hồ sơ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
5	02/2021/QĐ-HDQT-NTW	4/5/2021	Quyết định thành lập Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
6	03/2021/QĐ-HDQT-NTW	4/12/2021	Quyết định về việc Phê duyệt quyết toán dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình) hoàn thành.
7	04/2021/NQ-HDQT-NTW	4/26/2021	Nghị quyết về việc chi thưởng cho Ban quản lý, điều hành Công ty năm 2020
8	01/2021/NQ-ĐHCD-NTW	4/26/2021	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
9	04/2021/QĐ-HDQT-NTW	5/27/2021	Quyết định về việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
10	05/2021/NQ-HDQT-NTW	6/30/2021	Nghị quyết về việc lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chi trả cổ tức năm 2020

**Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Tính đến ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Nguyễn Bá Hải	Thành viên Ban kiểm soát
3	Đặng Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên Ban kiểm soát

Thông tin thành viên HĐQT**BÀ NGUYỄN THỊ MAI HẠNH - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện phần vốn Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai: 800.000 cổ phần - tỷ lệ 8% vốn điều lệ

ÔNG NGUYỄN BÁ HẢI - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện phần vốn Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai: 0 cổ phần

ÔNG ĐẶNG NGUYỄN THANH LIÊM - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: 166.600 cổ phần - tỷ lệ 1,67% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai: 0 cổ phần

Các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp Ban kiểm soát tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	2	100%
2	Nguyễn Bá Hải	Thành viên	2	100%
3	Đặng Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên	2	100%

Hoạt động của Ban kiểm soát**Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát****Đối với Hội đồng Quản trị**

Trong năm 2021, số lượng thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội cổ đông bầu là 5 người, đủ về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của luật định. Hội đồng Quản trị đã duy trì các kỳ họp thường kỳ. Bên cạnh đó, các thành viên đều có ý thức chấp hành pháp luật và điều lệ Công ty một cách nghiêm chỉnh. Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao khi đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên một cách hợp lý và không xảy ra các xung đột về quyền lợi. Bên cạnh đó, mỗi cá nhân trong HĐQT đều phát huy và nêu cao vai trò trách nhiệm của mình trong công việc. Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 7 phiên họp thường kỳ, ban hành 5 Nghị quyết nhằm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đưa ra biện pháp giải quyết vấn đề thúc đẩy sản xuất phát triển.

Đối với Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty đã nắm bắt tình hình kinh doanh, kịp nhanh chóng và kịp thời khắc phục những hạn chế, khó khăn trong việc cung cấp nước sạch cho khu công nghiệp, khu dân cư trên địa bàn. Bên cạnh việc điều hành sản xuất kinh doanh hiệu quả, ban điều hành cũng đã thực hiện những chính sách thiết thực góp phần nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động như chế độ tiền lương, thưởng hấp dẫn và trích nộp BHXH, BHYT, BHTN theo quy định tạo được niềm tin cho người lao động an tâm làm việc.

Nội dung và kết quả của các cuộc họp.

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/2021/NQ-BKS-NTW	2/8/2021	Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2021.
2	02/2021/NQ-BKS-NTW	8/5/2021	Thông qua kết quả kiểm tra 6 tháng năm 2021



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng	Ghi chú
-----------	-----------	---------	-------	--------	---------

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Văn Lịch	Chủ tịch HĐQT	108.000.000		30.000.000	
Ông Ngô Dương Đại	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	84.000.000	612.127.404	30.000.000	
Ông Trần Văn Thù	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	84.000.000	442.903.765	25.000.000	
Ông Nguyễn Việt Hưng	Thành viên HĐQT	84.000.000		25.000.000	
Ông Vũ Văn Luyến	Thành viên HĐQT	56.000.000			Bổ nhiệm từ 26/04/2021
Ông Nguyễn Văn Hồng		28.000.000		25.000.000	Từ 01/01/2021 đến 26/04/2021

II. BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng BKS		371.980.000	25.000.000	
Ông Nguyễn Bá Hải	Thành viên BKS	60.000.000		10.000.000	
Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên BKS	60.000.000		10.000.000	

III. BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Nguyễn Lương Thắng	Phó Giám đốc		476.642.469	25.000.000	
------------------------	--------------	--	-------------	------------	--

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Công ty mẹ	3600259296	48 Đường Cách mạng tháng 8 P. Quyết Thắng TP. Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai	2021	Mua nước 74.467 triệu đồng
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Công ty mẹ	3600259296	48 Đường Cách mạng tháng 8 P. Quyết Thắng TP. Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai	2021	Chia cổ tức 6.292 Triệu đồng
3	Công ty cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng Tập đoàn	3600449307	Số 113-116 Lô C2, Đường 9, Khu dân cư An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	2021	Chi phí xây dựng công trình: 2.804 triệu đồng

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: không có

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ về quản trị công ty để đáp ứng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 1.0261/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 28 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 26 tháng 02 năm 2021.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1

Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0954-2018-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.725.146.319	69.841.888.143
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.380.856.509	12.723.718.367
1. Tiền	111		23.380.856.509	6.723.718.367
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		31.108.705.892	33.766.296.247
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	31.108.705.892	33.766.296.247
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.797.126.445	13.515.950.677
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	16.495.067.995	13.426.305.725
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	219.371.922	736.877.069
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	767.277.354	1.037.358.709
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.684.590.826)	(1.684.590.826)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.851.784.905	6.073.262.182
1. Hàng tồn kho	141	V.7	5.851.784.905	6.073.262.182
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.586.672.568	3.762.660.670
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	280.888.387	106.865.834
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.730.764.148	3.571.882.559
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	575.020.033	83.912.277
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		128.290.075.022	122.969.931.087
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.356.323.376	16.466.323.376
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	12.356.323.376	16.466.323.376
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		115.194.333.572	104.871.613.750
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	114.637.424.363	104.259.945.086
- Nguyên giá	222		261.803.640.957	238.687.643.601
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(147.166.216.594)	(134.427.698.515)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	556.909.209	611.668.664
- Nguyên giá	228		1.062.156.000	1.062.156.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(505.246.791)	(450.487.336)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		238.636.742	1.024.879.935
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	238.636.742	1.024.879.935
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		500.781.332	607.114.026
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	500.781.332	607.114.026
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		212.015.221.341	192.811.819.230

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		39.001.537.532	22.213.328.632
I. Nợ ngắn hạn	310		39.001.537.532	22.213.328.632
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	30.788.316.626	12.996.014.410
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	332.370.674	562.234.367
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	99.456.051	326.336.739
4. Phải trả người lao động	314	V.15	3.318.527.053	3.939.937.552
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	8.440.500
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	338.353.403	224.890.200
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	4.124.513.725	4.155.474.864
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

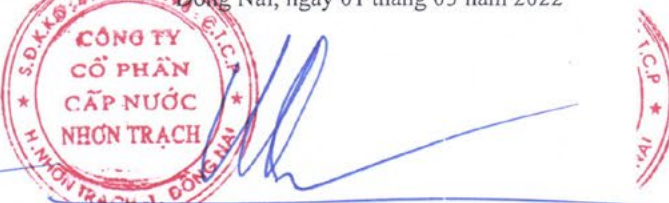
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		173.013.683.809	170.598.490.598
I. Vốn chủ sở hữu	410		173.013.683.809	170.598.490.598
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.18	6.043.138.411	6.043.138.411
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	24.114.127.940	21.687.568.203
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	42.856.417.458	42.867.783.984
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27.590.984.313	42.867.783.984
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		15.265.433.145	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		212.015.221.341	192.811.819.230

Đồng Nai, ngày 01 tháng 03 năm 2022


Vũ Thị Oanh
Người lập


Trần Văn Thùy
Kế toán trưởng


Ngô Dương Đại
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

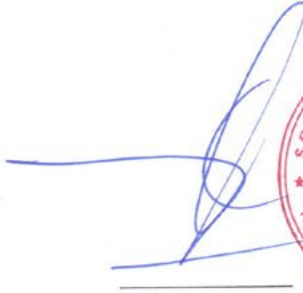
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

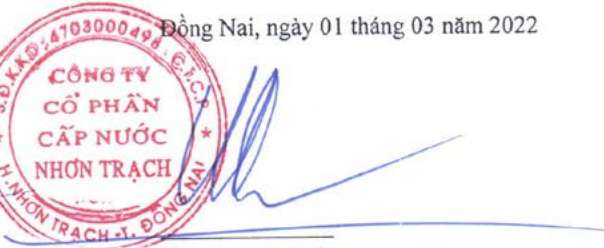
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	162.139.448.131	160.358.815.287
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		162.139.448.131	160.358.815.287
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	136.600.508.993	135.160.188.874
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.538.939.138	25.198.626.413
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.968.337.660	2.951.087.792
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	4.467.450.256	5.096.080.825
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.732.772.566	10.003.100.443
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.307.053.976	13.050.532.937
11. Thu nhập khác	31	VI.6	3.896.114.252	240.192.689
12. Chi phí khác	32		352.217.592	-
13. Lợi nhuận khác	40		3.543.896.660	240.192.689
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.850.950.636	13.290.725.626
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.585.517.491	1.157.926.939
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.265.433.145	12.132.798.687
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	1.426	1.149
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	1.426	1.149

Đồng Nai, ngày 01 tháng 03 năm 2022


Vũ Thị Oanh
Người lập


Trần Văn Thùy
Kế toán trưởng


Ngô Dương Đại
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.850.950.636	13.290.725.626
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	12.793.277.534	11.904.864.706
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.6	(1.968.337.660)	(3.017.087.792)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27.675.890.510	22.178.502.540
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		490.410.938	1.579.414.876
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		221.477.277	(223.633.854)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		11.290.296.520	4.416.492.050
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(67.689.859)	(588.268.358)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(2.076.625.247)	(800.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(881.201.073)	(1.780.114.539)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		36.652.559.066	24.782.392.715
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11 VII	(15.973.906.904)	(16.666.228.325)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	66.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(5.000.000.000)	(41.400.001.067)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	8.000.000.000	51.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2, V.5, VI.3	1.873.892.740	2.951.087.792
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.100.014.164)	(4.049.141.600)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16, V.18	(11.895.406.760)	(14.818.054.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.895.406.760)	(14.818.054.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		13.657.138.142	5.915.197.115
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	12.723.718.367	6.808.521.252
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	26.380.856.509	12.723.718.367

Đồng Nai, ngày 01 tháng 03 năm 2022


 Vũ Thị Oanh
 Người lập


 Trần Văn Thùy
 Kế toán trưởng


 Ngô Dương Đại
 Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 84 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 87 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn quyền sử dụng đất (49 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 05 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu thành phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	102.629.519	63.184.033
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.278.226.990	6.660.534.334
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	3.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	26.380.856.509	12.723.718.367

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 06 đến 12 tháng tại các ngân hàng, lãi suất từ 4,8%/năm đến 6,8%/năm.

Lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập gốc trong năm là 342.409.645 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Phải thu của khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	356.912.991	351.809.431
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	351.809.431	351.809.431
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	5.103.560	-
Phải thu các khách hàng khác	16.138.155.004	13.074.496.294
Phải thu khách hàng cung cấp nước	14.151.294.850	11.567.016.468
Phải thu khách hàng thi công, lắp đặt	1.986.860.154	1.507.479.826
Cộng	16.495.067.995	13.426.305.725

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Phải thu tiền thanh lý tài sản cố định của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, là bên liên quan.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đức Anh	-	484.505.147
Công ty TNHH Xây dựng Anh Ngôn	177.111.000	177.111.000
Các nhà cung cấp khác	42.260.922	75.260.922
Cộng	219.371.922	736.877.069

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	576.145.814	-	824.110.539	-
Tạm ứng	108.909.000	-	109.909.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	82.222.540	-	103.339.170	-
Cộng	767.277.354	-	1.037.358.709	-

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Công ty TNHH Vạn Phúc - Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	1.291.119.074	Trên 03 năm	1.291.119.074
Công ty TNHH Xây dựng Anh Ngôn - Trả trước cho người bán	Trên 03 năm	177.111.000	Trên 03 năm	177.111.000
Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Đại Phước - Phải thu khách hàng	Trên 03 năm	171.982.600	Trên 03 năm	171.982.600
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Phải thu khách hàng	Trên 03 năm	44.378.152	Trên 03 năm	44.378.152
Cộng		1.684.590.826		1.684.590.826

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.929.776.610	-	4.242.898.646	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.922.008.295	-	1.830.363.536	-
Cộng	5.851.784.905	-	6.073.262.182	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	55.349.998	49.042.501
Chi phí sửa chữa	225.538.389	57.823.333
Cộng	280.888.387	106.865.834

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	88.872.324	197.140.776
Chi phí sửa chữa	255.793.906	254.764.920
Các chi phí trả trước dài hạn khác	156.115.102	155.208.330
Cộng	500.781.332	607.114.026

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	47.309.653.644	34.722.151.097	155.170.773.341	1.485.065.519	238.687.643.601
Mua trong năm	79.000.000	34.300.000	1.300.727.273	-	1.414.027.273
Đầu tư XD/CB hoàn thành	430.529.069	998.114.544	20.273.326.470	-	21.701.970.083
Số cuối năm	47.819.182.713	35.754.565.641	176.744.827.084	1.485.065.519	261.803.640.957

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	21.752.291.412	20.085.121.993	55.449.852.585	1.240.039.155	98.527.305.145
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	27.074.660.916	24.913.778.415	81.266.603.215	1.172.655.969	134.427.698.515
Khấu hao trong năm	1.429.761.181	2.475.953.248	8.655.741.482	177.062.168	12.738.518.079
Số cuối năm	28.504.422.097	27.389.731.663	89.922.344.697	1.349.718.137	147.166.216.594

Giá trị còn lại

Số đầu năm	20.234.992.728	9.808.372.682	73.904.170.126	312.409.550	104.259.945.086
Số cuối năm	19.314.760.616	8.364.833.978	86.822.482.387	135.347.382	114.637.424.363

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	617.156.000	445.000.000	1.062.156.000
Số cuối năm	617.156.000	445.000.000	1.062.156.000

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	395.000.000	395.000.000
---------------------------------------	---	-------------	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	62.820.356	387.666.980	450.487.336
Khấu hao trong năm	12.343.116	42.416.339	54.759.455
Số cuối năm	75.163.472	430.083.319	505.246.791

Giá trị còn lại

Số đầu năm	554.335.644	57.333.020	611.668.664
Số cuối năm	541.992.528	14.916.681	556.909.209

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Công trình tuyến ống cấp nước D160 đường ĐT 769	461.389.231	7.860.766.294	(8.322.155.525)	-
Công trình tuyến ống cấp nước đường Nguyễn Văn Cừ	227.000.378	-	-	227.000.378
Các công trình khác	336.490.326	13.054.960.596	(13.379.814.558)	11.636.364
Cộng	1.024.879.935	20.915.726.890	(21.701.970.083)	238.636.742

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	17.760.129.379	9.254.113.877
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	14.144.206.125	6.703.308.675
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	3.615.923.254	2.550.805.202
Phải trả các nhà cung cấp khác	13.028.187.247	3.741.900.533
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới	6.200.620.099	2.638.095.233
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đức Anh	3.677.755.547	-
Các nhà cung cấp khác	3.149.811.601	1.103.805.300
Cộng	30.788.316.626	12.996.014.410

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Sợi chỉ Việt Côn	-	228.138.432
Công ty TNHH Khu Đô thị Phú Hội	88.500.000	-
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại và Xây dựng Việt Hàn	-	140.731.474
Công ty TNHH Hương Nga	-	94.910.554
Ông Đặng Xuân Đan	110.464.872	-
Các khách hàng khác	133.405.802	98.453.907
Cộng	332.370.674	562.234.367

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	83.912.277	1.585.517.491	(2.076.625.247)	-	575.020.033
Thuế thu nhập cá nhân	36.500.000	-	494.174.400	(513.174.400)	17.500.000	-
Thuế tài nguyên	260.667.183	-	1.626.275.485	(1.821.034.077)	65.908.591	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí bảo vệ môi trường	29.169.556	-	107.830.133	(120.952.229)	16.047.460	-
Cộng	326.336.739	83.912.277	3.816.797.509	(4.534.785.953)	99.456.051	575.020.033

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước sạch cho doanh nghiệp chế xuất	0%
- Cung cấp nước sạch cho các đối tượng khác	05%
- Cung cấp dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% cho thu nhập từ hoạt động cung cấp nước do đáp ứng loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa lĩnh vực môi trường.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.850.950.636	13.290.725.626
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	384.702.461	300.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	17.235.653.097	13.590.725.626
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)	11.821.056.318	10.639.637.834
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	5.414.596.779	2.951.087.792
Thu nhập tính thuế	17.235.653.097	13.590.725.626
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	3.447.130.619	2.718.145.125
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(1.182.105.632)	(1.063.963.783)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ	(679.507.496)	(496.254.403)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.585.517.491	1.157.926.939

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm dùng cho việc cung cấp nước sạch với mức thuế suất là 05%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phí bảo vệ môi trường

Mức phí bảo vệ môi trường nước thải sinh hoạt là 10% trên giá nước hiện hành của Công ty cung cấp nước cho các đối tượng dùng nước máy. Toàn bộ phí nước thải phải nộp vào ngân sách nhà nước sau khi trừ chi phí cho công tác thu phí là 10% trên tổng số phí nước thải theo Quyết định số 4887/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	266.207.840	161.614.600
Phí nước thải phải nộp	13.537.635	25.927.727
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	58.607.928	37.347.873
Cộng	338.353.403	224.890.200

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.538.090.751	242.655.974	(300.000.000)	2.480.746.725
Quỹ phúc lợi	1.612.550.101	363.983.960	(337.601.073)	1.638.932.988
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	4.834.012	243.600.000	(243.600.000)	4.834.012
Cộng	4.155.474.864	850.239.934	(881.201.073)	4.124.513.725

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	6.043.138.411	21.064.224.203	47.191.672.297	174.299.034.911
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	12.132.798.687	12.132.798.687
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	623.344.000	(1.456.687.000)	(833.343.000)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	6.043.138.411	21.687.568.203	42.867.783.984	170.598.490.598
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	6.043.138.411	21.687.568.203	42.867.783.984	170.598.490.598
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	15.265.433.145	15.265.433.145
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	2.426.559.737	(3.276.799.671)	(850.239.934)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	6.043.138.411	24.114.127.940	42.856.417.458	173.013.683.809

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCHĐịa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	52.437.360.000	52.437.360.000
America LLC	14.674.050.000	14.674.050.000
Các cổ đông khác	32.888.590.000	32.888.590.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2021/NĐ-ĐHĐCĐ-NTW ngày 26 tháng 4 năm 2021 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 12.000.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	: 2.426.559.737
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 606.639.934
• Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty	: 243.600.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp nước sạch	158.734.762.203	157.371.919.693
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	3.404.685.928	2.986.895.594
Cộng	162.139.448.131	160.358.815.287

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình		
Cung cấp dịch vụ	6.666.033	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

24

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCHĐịa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp nước sạch	134.180.315.417	133.219.366.690
Giá vốn cung cấp dịch vụ xây lắp	2.420.193.576	1.940.822.184
Cộng	136.600.508.993	135.160.188.874

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.071.680.847	3.070.235.573
Chi phí vật liệu, bao bì	918.794.632	1.496.601.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.806.339	136.056.672
Chi phí dịch vụ mua ngoài	177.621.485	199.368.511
Các chi phí khác	247.546.953	193.818.319
Cộng	4.467.450.256	5.096.080.825

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.079.774.267	7.160.673.812
Chi phí vật liệu quản lý	147.921.855	151.371.255
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.270.159.630	1.233.535.439
Chi phí dịch vụ mua ngoài	400.392.516	391.380.651
Các chi phí khác	834.524.298	1.066.139.286
Cộng	9.732.772.566	10.003.100.443

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	66.000.000
Tiền thi công được tài trợ	3.446.259.119	-
Thu nhập khác	449.855.133	174.192.689
Cộng	3.896.114.252	240.192.689

7. Lãi trên cổ phiếu**7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.265.433.145	12.132.798.687
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(763.271.657)	(644.650.000)
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	(243.600.000)	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	14.258.561.488	11.488.148.687
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.426	1.149

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

25

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.231.940.358	5.513.986.781
Chi phí nhân công	17.947.681.176	17.957.966.539
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.793.277.534	11.904.864.706
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.485.724.153	109.709.484.900
Chi phí khác	4.342.108.594	5.173.067.216
Cộng	150.800.731.815	150.259.370.142

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, công nợ liên quan đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền mua tài sản cố định	8.967.463.536	3.052.075.502
Trả trước tiền mua tài sản cố định	-	440.459.225

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Văn Bình	Nguyên Chủ tịch	-	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Lịch	Chủ tịch	108.000.000	72.000.000
Ông Ngô Dương Đại	Thành viên/Giám đốc	696.127.404	561.748.457
Ông Nguyễn Lương Thắng	Phó Giám đốc	476.642.469	360.754.790
Ông Trần Văn Thùy	Thành viên/Kế toán trưởng	526.903.765	417.301.299
Ông Nguyễn Việt Hưng	Thành viên	84.000.000	84.000.000
Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021)	28.000.000	84.000.000
Ông Vũ Văn Luyến	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021)	56.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	371.980.000	320.100.000
Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Bá Hải	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Cộng		2.467.653.638	2.055.904.546

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai – Mua nước	74.466.766.000	76.775.459.500
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai – Cổ tức	6.292.483.200	7.865.604.000
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình – Chi phí xây dựng công trình	2.803.575.828	9.672.542.608

Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước (chiếm 97,90% doanh thu) và được thực hiện ở khu vực tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 03 năm 2022



Vũ Thị Oanh
Người lập biểu



Trần Văn Thùy
Kế toán trưởng



Ngô Dương Đại
Giám đốc



Đồng Nai, Ngày 25 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC



Ngô Dương Đại